

TTH (17)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 16/01/2024

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại Tờ trình số 224/TTr-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm định số 2015/BC-HĐTĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022, văn bản tổng hợp ý kiến rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại văn bản số 9602/CV-HĐTĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và công văn số 01/UBND-ĐTQH ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh Đồng Tháp bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh Đồng Tháp, nằm ở tọa độ 10°07' đến 10°58' vĩ độ Bắc và 105°12' đến 105°58' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Prey Veng - Vương quốc Campuchia; phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ; phía Tây giáp tỉnh An Giang; phía Đông giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

a) Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bám sát chủ trương, đường lối phát triển của Đảng, Nhà nước; phù hợp với với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch, kế hoạch liên quan.

b) Khai thác tối đa, hiệu quả tiềm năng, lợi thế; huy động, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, áp dụng các mô hình kinh tế mới; lấy kinh tế nông nghiệp làm nền tảng, công nghiệp chế biến, dịch vụ làm động lực; thu hút đầu tư đối với những doanh nghiệp có công nghệ cao, thân thiện với môi trường vào các ngành trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp sản xuất năng lượng sạch, du lịch và dịch vụ cảng sông, dịch vụ logistics.

c) Tổ chức, bố trí không gian phát triển hài hòa, hợp lý gắn với bảo tồn và phát huy điều kiện tự nhiên, sinh thái hiện có; tập trung phát triển các vùng, hành lang động lực để thúc đẩy các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, trong đó tập trung phát triển vùng kinh tế trung tâm dọc sông Tiền, vùng kinh tế biên giới và ba hành lang kinh tế gắn với các trục giao thông của tỉnh; quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, nước.

d) Nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và thực hiện đổi mới, sáng tạo; phát triển kinh tế - xã hội gắn với chuyển đổi số dựa trên ba trụ cột chính (kinh tế số, xã hội số, chính quyền số). Tăng cường giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp; bảo đảm an sinh xã hội.

đ) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo đảm người dân có cuộc sống an toàn, hạnh phúc.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đồng Tháp là tỉnh có trình độ phát triển khá, nằm trong nhóm đầu về chuyển đổi số, một trong những trung tâm sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đô thị hiện đại, nông thôn giàu bản sắc, du lịch thân thiện và hấp dẫn; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, con người; duy trì vị trí nhóm đầu cả nước về các chỉ số: cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; hợp tác, hội nhập quốc tế được tăng cường. Người dân có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

b) Các chỉ tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đạt 7 - 7,5%/năm. GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 160 triệu đồng.

+ Tỷ trọng trong GRDP của ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 27%; ngành dịch vụ chiếm khoảng 43%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 22%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8%.

+ Tỷ lệ đóng góp của năng suất tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế (TFP/GRDP) đến năm 2030 là 50%.

+ Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thời kỳ 2021 - 2030 đạt 477.000 tỷ đồng.

- Về xã hội:

+ Tốc độ tăng trưởng dân số bình quân đạt khoảng 0,6 - 1,2%;

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65%.

+ Chỉ tiêu phát triển con người (HDI) đạt khoảng 0,75.

+ Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,32%; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đạt mức dưới 1,2%.

+ Tỷ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn: mầm non 75%, tiểu học 70%, trung học cơ sở 80%, trung học phổ thông 90%.

+ Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân là 32 giường, tỷ lệ bác sĩ/10.000 dân là 12 người.

- Về môi trường:

+ 100% dân cư đô thị và 98% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn.

+ Trên 50% các đô thị loại II trở lên và trên 20% các đô thị còn lại được thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

+ 90% chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Tỷ lệ đô thị hoá năm 2030 đạt trên 42%.

+ 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 50% đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

+ Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16%.

- Về quốc phòng, an ninh

Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đồng Tháp là tỉnh dẫn đầu cả nước trong một số lĩnh vực nông nghiệp, trung tâm nông nghiệp, du lịch sinh thái của vùng đồng bằng sông Cửu Long; trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công. Người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thủy sản chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ theo chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu sản phẩm, trong đó tập trung nguồn lực xây dựng thành phố Cao Lãnh trở thành trung tâm trao đổi hàng hóa nông sản cấp vùng. Phát triển các chuỗi đô thị gắn với các vùng, hành lang kinh tế động lực của tỉnh, phù hợp với đặc thù của từng địa phương, thúc đẩy dịch vụ và du lịch.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách để huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường phát triển doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

c) Đẩy mạnh liên kết, hợp tác phát triển với các địa phương trong vùng, kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu, hợp tác với Vương quốc Campuchia. Liên kết với các tỉnh: Long An, Tiền Giang xây dựng Dự án đột phá tiểu vùng Đồng Tháp Mười thành Trung tâm dự trữ phát triển quốc gia về dự trữ nguồn nước ngọt và nguồn phù sa, khai thác tài nguyên nông nghiệp và du lịch.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Đổi mới tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng gắn với ứng dụng công nghệ cao, sử dụng đất hợp lý để phát triển các loại cây trồng có lợi thế; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong các lĩnh vực có lợi thế.

- Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp đồng bộ, hiện đại; hình thành và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn quy mô lớn, chất lượng cao theo chuỗi giá trị gắn với chế biến sâu đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế; phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch đi đôi với an toàn thực phẩm.

- Phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị ở Đồng Tháp (gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo ở vùng sinh thái nước ngọt).

- Từng bước phát triển chăn nuôi hướng tập trung quy mô lớn, giá trị gia tăng cao gắn với chế biến thực phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và từng bước xuất khẩu. Kết hợp chăn nuôi với sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Phát triển thủy sản, nhất là cá tra trở thành ngành kinh tế chủ lực của tỉnh; áp dụng công nghệ cải tiến, hiện đại, nuôi hữu cơ, nuôi tuần hoàn, gắn với hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao, bền vững.

- Quản lý, bảo vệ chặt chẽ, giữ vững tỷ lệ che phủ, khai thác hợp lý, phát triển bền vững tài nguyên rừng. Chú trọng công tác phát triển rừng, các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu, tái đầu tư cho phát triển lâm nghiệp.

b) Ngành công nghiệp - xây dựng

- Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng tập trung, quy mô, ứng dụng khoa học công nghệ và thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng hóa; ưu tiên thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sâu nông, thủy sản, đồng thời với thu hút đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ phát triển cơ khí, cơ khí chính xác, dược phẩm và các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với bảo tồn, phát triển các làng nghề truyền thống.

- Tập trung đầu tư, phát triển các khu, cụm công nghiệp, trung tâm chế biến nông, thủy sản gắn với phát triển hệ thống logistics, dịch vụ hậu cần, dịch vụ hỗ trợ. Đẩy nhanh xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp và các khu, cụm công nghiệp tại tiểu vùng Đồng Tháp Mười.

- Tăng cường phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo. Phát triển ngành xây dựng theo hướng hiện đại, đủ trình độ chuyên môn và công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Ngành dịch vụ

- Tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ tiềm năng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao như logistics, công nghệ thông tin và truyền thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ du lịch, y tế, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo.

- Phát triển hệ thống thương mại văn minh hiện đại, đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, phát triển các trung tâm đầu mối, hỗ trợ liên kết dịch vụ thương mại cấp vùng và tiểu vùng, hình thành các trung tâm logistics gắn với các khu, cụm công nghiệp. Chú trọng liên kết vùng để phát triển thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp, mở rộng giao thương trên phạm vi toàn quốc và các quốc gia trong vùng ASEAN.

- Tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp trở thành trung tâm sản xuất, chế biến và thương mại của vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; tập trung phát triển du lịch sinh thái, miệt vườn, nông nghiệp nông thôn, văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với chăm sóc sức khỏe phù hợp với đặc trưng sông nước của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo

- Phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; bảo đảm công bằng xã hội trong tiếp cận giáo dục và đào tạo, xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời trong nhân dân.

- Khuyến khích xã hội hóa giáo dục và đào tạo; thu hút đầu tư vào giáo dục và đào tạo chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Đầu tư phát triển hệ thống y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở hoàn thiện, từng bước hiện đại bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường phát triển y tế dự phòng, kiểm soát bệnh tật và phục hồi chức năng; kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại.

- Khuyến khích xã hội hóa y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Kêu gọi đầu tư phát triển các dịch vụ y tế chất lượng cao.

c) Giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội

- Đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đáp ứng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các ngành, lĩnh vực chủ lực. Tăng cường các hoạt động thông tin, dự báo thị trường lao động và xúc tiến việc làm.

- Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công; thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội, công tác chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới; đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo để hỗ trợ những người yếu thế trong xã hội, tạo thuận lợi cho họ tự vươn lên hoà nhập cộng đồng.

d) Văn hóa, thể thao

- Xây dựng, hoàn thiện và đồng bộ các thiết chế văn hóa, thể thao; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống; phát huy văn hóa tự hào đất Sen hồng trở thành nền tảng, động lực, mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bảo tồn, tôn tạo, tu bổ các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh, duy trì và phát huy lễ hội và văn hóa dân gian, gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa, thể thao với du lịch.

- Khuyến khích xã hội hóa văn hóa, thể thao. Tập trung phát triển phong trào thể thao quần chúng sâu rộng trong toàn tỉnh, chú trọng thể thao thành tích cao vào các môn có thế mạnh của tỉnh.

đ) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy nhanh phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực khoa học, công nghệ; thực hiện liên kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, các tỉnh, thành phố trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e) Thông tin và truyền thông

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật liên thông, đồng bộ, hiện đại. Phát triển ngành báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; phát triển bưu chính theo hướng hoàn thiện chất lượng dịch vụ số. Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và phát triển đô thị thông minh.

g) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển với Vương quốc Campuchia.

3. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Bốn vùng kinh tế - xã hội

- Vùng kinh tế - xã hội trung tâm gồm: Thành phố Cao Lãnh và thành phố Sa Đéc; phía Tây huyện Tam Nông; phía Nam huyện Cao Lãnh; phía Bắc các huyện: Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành (dọc sông Tiền) là vùng động lực phát triển của tỉnh. Tập trung phát triển kinh tế đô thị, công nghiệp chế biến, thương mại, du lịch. Trong đó thành phố Cao Lãnh là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh kết nối với thành phố Sa Đéc trở thành hai cực tăng trưởng của vùng trung tâm.

- Vùng kinh tế biên giới (vùng phía Bắc) gồm: Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, phần lớn huyện Tân Hồng. Tập trung phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp, cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia; trở thành vùng kinh tế động lực, điểm khởi đầu của ba hành lang kinh tế (hành lang kinh tế ven sông Hậu, hành lang kinh tế ven sông Tiền và hành lang kinh tế Đồng Tháp Mười). Thành phố Hồng Ngự đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng phía Bắc.

- Vùng kinh tế ven sông Hậu (vùng phía Tây Nam) gồm: Phía Nam các huyện: Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành. Tập trung phát triển hạ tầng, dịch vụ kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long với thị trấn Lấp Vò là cực tăng trưởng phía Tây Nam của tỉnh.

- Vùng phía Đông Bắc gồm: Huyện Tháp Mười, khu vực phía Đông các huyện: Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình; khu vực phía Bắc huyện Cao Lãnh. Tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao tập trung, quy mô lớn gắn với các khu, cụm công nghiệp chế biến nông, thủy sản với thị trấn Mỹ An là cực tăng trưởng vùng Đông Bắc của tỉnh.

b) Ba hành lang kinh tế

- Hành lang kinh tế Tây Bắc - Đông Nam (bố trí theo tuyến quốc lộ 30 kết nối quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam phía Tây, cao tốc Bắc - Nam phía Đông, quốc lộ N1) là hành lang phát triển chủ lực của tỉnh. Tập trung phát triển đô thị, công nghiệp chế biến, trung tâm dịch vụ hậu cần.

- Hành lang kinh tế Nam Sông Tiền (bố trí theo tuyến quốc lộ 80, quốc lộ 80B, đường tỉnh 848 và đường Nam Sông Tiền, kết nối với cao tốc Bắc - Nam phía Tây và quốc lộ 1) phát triển đô thị, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

- Hành lang kinh tế Đông Bắc - Tây Nam (bố trí theo tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây) là tuyến kết nối kinh tế - xã hội các tỉnh thuộc Tứ giác Long Xuyên với vùng Đồng Tháp Mười và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tổ chức các hoạt động kinh tế công nghệ chế biến, dịch vụ nông nghiệp và du lịch sinh thái.

c) Các khu vực cần bảo tồn, hạn chế phát triển

- Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, hạn chế phát triển bao gồm: Công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, khu bảo tồn đất ngập nước, các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, vườn Quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, khu sân chim và rừng tràm Gáo Giồng, Cồn Tiên, cồn An Hòa, cồn Đông Giang, cồn Bình Thạnh, cồn Tô Châu, cù lao Long Khánh. Hạn chế tối đa và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động xây dựng công trình, khai thác tài nguyên ảnh hưởng đến cảnh quan, di tích, kiến trúc.

- Hạn chế tối đa, quản lý chặt chẽ việc cấp phép khai thác vật liệu xây dựng. Không xây dựng các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung tại các khu bảo tồn. Kiểm soát mật độ xây dựng, loại công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng; chú trọng sử dụng các phương pháp chống sạt lở đất. Khuyến khích trồng rừng, cây xanh, các biện pháp bảo vệ đất và lớp phủ thực vật khác.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Tiếp tục thực hiện các quy định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và Nghị quyết số 35/2023/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

- Tên gọi, địa lý, phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

Khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, phân đầu đến năm 2030, toàn tỉnh có 22 đô thị gồm: 02 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 08 đô thị loại IV, 10 đô thị loại V.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

6. Phương án phát triển các khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi khác

Bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi các khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hóa, di tích cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh và các khu vực cần được bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi khác. Bảo quản, tôn tạo, phục hồi, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

7. Phương án phát triển khu quân sự, an ninh

Xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ tỉnh gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Giữ vững chủ quyền, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và Vương quốc Campuchia. Bố trí đủ đất đai, kinh phí để phục vụ nhiệm vụ phát triển quốc phòng, an ninh.

8. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Thực hiện đầy đủ, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; từng bước nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, vật chất tinh thần, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân ở khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Về đường bộ

- Đường bộ quốc gia: Các tuyến cao tốc, quốc lộ được thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đường do tỉnh quản lý:

Tập trung nguồn lực xây dựng các tuyến đường bảo đảm giao thông thông suốt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

+ Cải tạo, xây mới, nâng cấp đường tỉnh lộ tối thiểu đạt cấp III đồng bằng, đảm bảo kết nối đồng bộ giữa các địa phương trong tỉnh, những đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị, sẽ được đầu tư theo quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt.

+ Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường tỉnh lộ thành các tuyến quốc lộ, tuyến đường trục kết nối liên vùng từ Giồng Riềng (Kiên Giang) qua Ô Môn (Cần Thơ) đến Sa Đéc (Đồng Tháp) và các điểm đầu nối quốc lộ với hệ thống giao thông của tỉnh.

+ Nâng cấp các tuyến đường huyện quan trọng đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI, V theo tiêu chuẩn quy định hiện hành; ưu tiên nâng cấp các tuyến và đoạn tuyến chưa được cứng hóa, phấn đấu đạt tỷ lệ cứng hóa 100%.

+ Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xã nông thôn mới đáp ứng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và huyện nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

+ Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống bến xe tại các huyện, thị xã, thành phố; tăng cường hệ thống bãi đỗ xe ngầm (nếu có) tại các công viên, vườn hoa, dưới các tổ hợp công trình quy mô lớn, bố trí các bãi đỗ xe tập trung kết hợp với các chức năng sử dụng đất khác đảm bảo kết nối thuận lợi và an toàn.

b) Về đường thủy nội địa

- Các tuyến giao thông đường thủy nội địa, khu bến cảng, khu neo đậu thực hiện theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng.

- Tăng cường năng lực vận tải thủy của các tuyến chính: Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Tháp - Kiên Giang, tuyến Đồng Tháp - Tiền Giang; tuyến vận tải thủy kết nối với Vương quốc Campuchia qua sông Tiền, sông Hậu.

+ Nâng cấp, bảo trì, phát triển và khai thác hiệu quả các tuyến đường thủy địa phương. Phát triển, bảo đảm nhu cầu vận tải hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; bảo đảm nhu cầu về nước cho sinh hoạt, sản xuất của người dân và bảo đảm dự trữ nước cho tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống cảng, bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

c) Về cảng biển, cảng cạn

Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển và Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

d) Về hàng không

Nghiên cứu, xây dựng sân bay chuyên dùng theo nhu cầu khai thác, phát triển kinh tế, du lịch và phải bảo đảm phù hợp Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

đ) Về trung tâm logistics

Đầu tư xây dựng các trung tâm logistics cấp tỉnh tại các thành phố: Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự và các huyện: Cao Lãnh, Châu Thành, Hồng Ngự, Tân Hồng (tại Khu kinh tế cửa khẩu), Lấp Vò, Tháp Mười đáp ứng yêu cầu hỗ trợ quá trình sản xuất và phân phối, lưu thông hàng hóa.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phải phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án, tiêu chí, luận chứng tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII; phù hợp với quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan, bảo đảm an ninh, cân đối các nguồn, phụ tải, phù hợp với hạ tầng lưới điện, hiệu quả về kinh tế.

a) Nguồn điện

Phát triển nguồn năng lượng tái tạo tại chỗ (chủ yếu là điện năng lượng mặt trời, tự sản tự tiêu), năng lượng sinh khối, năng lượng từ rác thải góp phần tăng nguồn cung cấp năng lượng, giảm tổn thất trong truyền tải, giảm nhu cầu sử dụng năng lượng hóa thạch trong sản xuất điện và giảm phát thải CO₂ ra môi trường. Việc phát triển các nguồn điện phải phù hợp với Quy hoạch điện VIII.

b) Lưới điện cao thế 500kV và 220kV

Lưới điện cao thế 500kV và 220kV phát triển phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

c) Lưới điện cao thế 110kV

- Xây dựng thêm các trạm biến áp 110kV và cải tạo nâng công suất các trạm biến áp 110kV tại các khu vực có phụ tải lớn (khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, khu chức năng, khu dân cư tập trung), giúp đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội và giảm tổn thất điện năng.

- Xây dựng các lộ ra 110kV từ các trạm biến áp 220kV, xây dựng mới đường dây 110kV tạo mạch vòng giúp nâng cao độ tin cậy cung cấp điện. Cải tạo, nâng công suất đường dây 110kV hiện hữu.

d) Lưới điện trung thế và hạ thế

- Xây dựng các lộ ra 22kV từ các trạm biến áp 110kV và liên kết mạch vòng các tuyến trung thế hiện hữu để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110kV hiện hữu và xây dựng mới trên địa bàn tỉnh.

- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường dây 22kV hiện hữu, lưới điện trung thế 1 pha ở các khu vực chưa đáp ứng nhu cầu phụ tải thành trung thế 3 pha. Ngầm hóa các tuyến đường dây trong khu vực trung tâm thành phố, huyện và các khu đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật phục vụ chuyển đổi số toàn diện, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Tập trung xây dựng, hoàn thiện Trung tâm Chuyển đổi số, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Ưu tiên chuyển đổi số các lĩnh vực: giáo dục, y tế, thương mại điện tử, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất công nghiệp, quản lý tài nguyên môi trường, giao thông và logistics.

- Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông đảm bảo quốc phòng an ninh, an ninh thông tin, an toàn mạng lưới, trong đó tập trung phát triển hạ tầng mạng băng rộng. Ngầm hóa mạng cáp; cải tạo mạng truyền dẫn, tăng cường sử dụng hạ tầng dùng chung, đảm bảo an toàn, hiệu quả. Phát triển hạ tầng bưu chính đồng bộ, hiện đại, chuyển dịch từ bưu chính truyền thống sang bưu chính số. Phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm thuận lợi cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất, giao thông đường thủy.

- Hệ thống thủy lợi tỉnh Đồng Tháp được phân thành 05 vùng sau:

+ Vùng I: Vùng phía Bắc kênh Tân Thành - Lò Gạch thuộc thành phố Hồng Ngự, các huyện: Tân Hồng và Hồng Ngự.

+ Vùng II: Vùng trung tâm Đồng Tháp Mười thuộc thành phố Hồng Ngự, các huyện: Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh và Tháp Mười.

+ Vùng III: Vùng phía Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp thuộc thành phố Cao Lãnh, các huyện: Cao Lãnh và Tháp Mười.

+ Vùng IV: Vùng giữa sông Tiền - sông Hậu thuộc thành phố Sa Đéc, các huyện: Lấp Vò, Lai Vung và Châu Thành.

+ Vùng V: Khu vực các cù lao thuộc các huyện: Hồng Ngự và Thanh Bình.

- Xây mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi bảo đảm sản xuất nông nghiệp, kiểm soát lũ, chủ động tưới, tiêu cho lúa 02 vụ, lúa Thu Đông, rau màu, cây ăn quả, cây hàng năm và cây lâu năm khác.

- Đầu tư, xây dựng các công trình để tích trữ nước, thiết lập hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, xây dựng các trạm bơm, cống và hệ thống kênh mương để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt cho người dân, các khu vực sản xuất, dịch vụ từ nguồn nước mặt (hệ thống sông, kênh, rạch và hệ thống công trình thủy lợi).

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước hoàn chỉnh toàn tỉnh, giảm tỷ lệ thất thoát và nâng cao chất lượng nguồn nước, phấn đấu 100% dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn và đáp ứng yêu cầu phòng cháy chữa cháy theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

5. Phương án phát triển mạng lưới thoát nước

- Đối với hệ thống thoát nước mưa: Tận dụng tối đa hệ thống sông, kênh, rạch để thoát nước mưa; tiếp tục sử dụng hệ thống thoát nước ở các khu vực đã được đầu tư; đầu tư, xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa ở các khu vực chưa được đầu tư đảm bảo tiêu, thoát nước vào mùa mưa, lũ.

- Đối với hệ thống thoát nước thải: Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải đô thị và nông thôn. Đầu tư, xây dựng mới các trạm xử lý nước thải theo hình thức tập trung với quy mô phù hợp.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Chất thải được phân loại tại nguồn, xử lý bằng công nghệ tái sử dụng, tận thu, ủ phân, thiêu đốt chất thải không tái chế được (đốt rác phát điện), chôn lấp.

- Nâng cấp, cải tạo khu xử lý chất thải rắn tập trung tại huyện Cao Lãnh. Xây dựng mới 01 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại thành phố Hồng Ngự; nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu chôn lấp cho các xã cù lao thuộc huyện Thanh Bình.

- Xây dựng các trạm trung chuyển để tập trung thu, gom rác phục vụ cho nhà máy xử lý rác và nhà máy đốt rác phát điện.

- Các chất thải y tế thông thường và nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

7. Phương án phát triển nghĩa trang, cơ sở hỏa táng

Xây dựng, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung phù hợp với quy hoạch; xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị phù hợp với phân loại đô thị; di dời các nghĩa trang không bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

8. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

- Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, được bố trí bảo đảm mỗi huyện có tối thiểu 01 đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và bố trí các điểm phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ tại các khu dân cư đảm bảo phục vụ tại chỗ.

- Xây dựng hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm đủ rộng và đủ tải để xe chữa cháy hoặc cứu nạn, cứu hộ (thường là xe thang) của lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tiếp cận được.

- Hệ thống cung cấp nước chữa cháy bảo đảm theo quy định hiện hành.

- Hệ thống thông tin liên lạc phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tuân thủ theo quy định và được kết nối với các đơn vị tỉnh lân cận và trung ương.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo

- Rà soát, sắp xếp, nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các trường, lớp các cấp đạt chuẩn theo quy định.

- Xây dựng các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh theo hướng tự chủ, đa ngành, chất lượng cao, từng bước đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở y tế tuyến tỉnh và tuyến huyện; khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập góp phần đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhân dân.

- Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã; đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; 100% số xã có trạm y tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám chữa bệnh tại từng xã và thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp thành bệnh viện đa khoa cấp vùng theo Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tổ chức, sắp xếp lại và tăng cường đầu tư, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh; khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

- Đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, nhất là các di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, xếp hạng cấp quốc gia.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng các giá trị văn hóa, thể thao của người dân. Nâng cấp Bảo tàng, Thư viện tỉnh, Trung tâm văn hoá tỉnh.

- Xã hội hóa đầu tư phát triển thiết chế một số lĩnh vực thể thao, văn hóa.

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

5. Phương án phát triển hạ tầng thương mại

- Đầu tư và thu hút đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại có quy mô, cơ cấu phù hợp; ưu tiên phát triển thương mại điện tử.

- Tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ thương mại tại Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp theo quy hoạch.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các siêu thị, chợ đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng hóa phục vụ nhân dân và yêu cầu về phòng chống cháy nổ, vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Phát triển hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo cung cấp đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh và khu vực.

- Phát triển các trung tâm trưng bày, giới thiệu sản phẩm của tỉnh. Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hoá để phát triển trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)

6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

- Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và mở rộng quy mô cơ sở chăm sóc người có công, các cơ sở an sinh xã hội bảo đảm đầy đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khác.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia và đẩy mạnh xã hội hóa an sinh xã hội. Huy động các nguồn lực để tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ và các cơ sở an sinh xã hội, bảo trợ xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, bảo đảm thực hiện chức năng nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao, khai thác và ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ theo quy định.

- Xây dựng không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh; triển khai Đề án xây dựng và phát triển sản (trung tâm) giao dịch công nghệ tỉnh Đồng Tháp (trực tiếp, trực tuyến), hướng đến kết nối một cách đồng bộ với các sản phẩm giao dịch công nghệ của vùng và quốc gia; phát triển hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ trong tất cả các sở, ngành, địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

- Nguồn lực đất đai được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

- Các chỉ tiêu, diện tích chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, đất ở, đất hạ tầng được tính toán, xác định trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV kèm theo)

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt gồm: Khu dân cư tập trung ở đô thị (vùng nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II, loại III); nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước (gồm: sông Tiền, sông Hậu); khu bảo tồn thiên nhiên (gồm: Vườn quốc gia Tràm Chim, Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp, Khu di tích lịch sử Xẻo Quýt, Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng); khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải gồm: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng khác: Các khu vực còn lại trên địa bàn quản lý.

b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Tập trung bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học trên địa bàn nhằm bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật hiện có. Các giống, loài, nguồn gen nguy cấp, quý, hiếm cần được kiểm kê và có phương án bảo vệ.

- Thực hiện các chương trình bảo tồn và phục hồi đa dạng sinh học. Các loài ngoại lai xâm hại cần được quản lý và kiểm soát chặt chẽ.

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Xây dựng các điểm quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn toàn tỉnh, với mục tiêu quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn, quan trắc môi trường nước mặt, quan trắc môi trường nước dưới đất, quan trắc môi trường đất và quan trắc chất lượng trầm tích phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

Khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác. Rà soát các khu vực khoáng sản, nếu đủ điều kiện cấp phép thăm dò, khai thác thì bổ sung vào phương án thăm dò, khai thác khoáng sản khi có nhu cầu và phù hợp với quy định pháp luật. Tiếp tục nghiên cứu thăm dò các điểm khoáng sản theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV kèm theo)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước

- Tổ chức điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi toàn tỉnh. Đầu tư xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước; duy trì việc giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên sông; từng bước hạn chế và chấm dứt khai thác tầng nước ngầm.

- Nghiên cứu xây dựng các công trình tích trữ nước, điều tiết, chuyển dẫn, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước. Phân bổ nguồn nước theo quy định, thực hiện các phương án điều hòa, giám sát việc khai thác, sử dụng nước.

- Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các nguồn nước nội tỉnh, lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thu gom, xử lý nước thải đô thị, nông thôn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Trong trường hợp hạn hán, thiếu nguồn nước, ưu tiên sử dụng nước theo thứ tự sau: nước phục vụ sinh hoạt của người dân, nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, nước phục vụ nhu cầu sản xuất của khu, cụm công nghiệp.

b) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; triển khai các biện pháp bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, các giải pháp phòng, chống úng, ngập đô thị, nông thôn theo quy định; thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên phạm vi địa bàn theo phân cấp của Chính phủ.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Dự báo, cảnh báo kịp thời, hiệu quả và thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá các tác động của rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu. Đảm bảo năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình phòng chống thiên tai đảm bảo an toàn cho người dân. Cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Chú trọng xây dựng, cập nhật danh mục cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính và tăng cường kiểm tra, giám sát.

X. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

- Vùng liên huyện phía Bắc gồm: Huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng. Là cửa ngõ giao thương giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với Vương quốc Campuchia và các nước tiểu vùng sông Mê Công. Là vùng sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến nông, thủy sản.

- Vùng liên huyện phía Nam gồm: Huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, huyện Châu Thành. Là vùng sản xuất nông nghiệp (cây ăn trái, hoa màu, hoa kiểng), công nghiệp chế biến, trung tâm dịch vụ hậu cần.

- Vùng liên huyện phía Đông gồm: Huyện Thanh Bình, huyện Tam Nông, huyện Tháp Mười, huyện Cao Lãnh. Là cửa ngõ kết nối với các tỉnh (Long An, Tiền Giang) và Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung phát triển thành vùng sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao tập trung, quy mô lớn (lúa, cây ăn trái, thủy sản và hoa màu).

2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Vùng huyện Cao Lãnh: Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cây ăn quả, rau, màu, thủy sản, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao lâm nghiệp kết hợp du lịch, có sự liên kết chặt chẽ với thành phố Cao Lãnh trong việc mở rộng và phát triển đô thị về phía Đông, tham gia vào vùng kinh tế động lực trung tâm của tỉnh.

- Vùng huyện Châu Thành: Là vùng phát triển đô thị cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh, chuyên canh lúa - màu, cây ăn quả, rau an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Hồng Ngự: Là vùng phát triển đô thị và kinh tế biên giới, hậu cần đường thủy ven sông Tiền, cửa ngõ giao lưu quốc tế đường bộ - đường thủy với Vương quốc Campuchia, nuôi trồng thủy sản tập trung, lúa - màu, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Vùng huyện Lai Vung: Là vùng phát triển đô thị, văn hóa, nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng cây ăn quả, lúa - màu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Lấp Vò: Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hậu cần logistics cảng sông dựa trên lợi thế đầu mối giao thông đường thủy lẫn đường bộ, chuyên canh rau an toàn, cây ăn quả, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Tam Nông: Là vùng trồng lúa kết hợp thủy sản theo hướng hữu cơ, nuôi trồng thủy sản và thủy đặc sản theo hướng sinh thái, phát triển đô thị sinh thái, năng lượng tái tạo, dự trữ sinh quyển kết hợp du lịch.

- Vùng huyện Tân Hồng: Là vùng phát triển đô thị và kinh tế biên giới, cửa ngõ giao lưu quốc tế đường bộ với Vương quốc Campuchia, trồng lúa kết hợp thủy sản theo hướng hữu cơ, nuôi trồng thủy sản tập trung, năng lượng tái tạo, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Vùng huyện Thanh Bình: Là vùng phát triển chuyên canh rau, màu, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Tháp Mười: Là vùng phát triển nông nghiệp chủ lực của tỉnh (chuyên canh lúa, sen, rau, màu, cây ăn quả) gắn với công nghiệp chế biến, vùng phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch cửa ngõ phía Đông Bắc của tỉnh gắn với quốc lộ N2, tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo.

XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích phương thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức đấu giá quỹ nhà, đất công để bổ sung nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Khai thác quỹ đất vùng phụ cận các hành lang kinh tế để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu ban hành quy định cơ chế huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chất lượng, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực. Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Chú trọng hơn nữa đào tạo các ngành nghề mới, tiềm năng, đầu tư cho các nhóm nghiên cứu sâu về các lĩnh vực kỹ thuật số, công nghệ thông tin, công nghệ phần mềm, số hóa, năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học và sự tích hợp giữa chúng.

- Tập trung nguồn lực xây dựng mở rộng các cơ sở đào tạo, dạy nghề chất lượng cao, tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường. Phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên đối với các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng

sinh học giữa các khu vực giáp ranh; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

- Chủ động ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ, đặc biệt là các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Tỉnh, trong đó, chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sơ chế, chế biến, bảo quản các nông sản, thủy sản chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Huy động người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Nghiên cứu đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển khu vực động lực và sự liên kết giữa khu vực động lực với các khu vực phụ trợ.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết; tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các cơ quan hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại nước ngoài, các đại sứ quán và cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam.

- Ban hành chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp trở thành khu kinh tế tổng hợp gồm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị và nông lâm, ngư nghiệp; trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa các nước tiểu vùng sông Mê Công.

5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển đô thị và nông thôn để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, Chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện chất lượng dịch vụ xã hội ở khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng sống; chăm lo đời sống tại các vùng nông thôn, giảm di dân, góp phần ổn định xã hội và giảm nghèo.

6. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo đồng bộ.

- Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch trong kế hoạch 05 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

XIII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chi tiết tại Phụ lục XXVII kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý quy hoạch; hướng dẫn, phân công, phân cấp, điều phối, kiểm soát, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, quy trình, quy định trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý và thực hiện quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh sau khi các quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long được quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện điều chỉnh quy hoạch tỉnh trong trường

hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

g) Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, cơ sở dữ liệu, các phụ lục kèm theo Quyết định này; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan và hệ thống bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, các quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các cam kết tại Văn bản số 01/UBND-ĐTQH ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

4. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch cao hơn có liên quan (nếu có).

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực và thực tiễn phát triển tỉnh và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm đúng các quy định hiện hành.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong quá trình thực hiện quy hoạch; phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của quy hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của đất nước, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (3). Th.Tùng. 110



Trần Hồng Hà



TT	Đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng năm 2022	Định hướng đến năm 2030	
15	Đô thị Mỹ Hiệp	-	V	Phấn đấu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
16	Đô thị Mỹ An Hưng B	-	V	Phấn đấu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
17	Đô thị Tân Khánh Trung	-	V	Phấn đấu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
18	Đô thị Vĩnh Thạnh	-	V	Phấn đấu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
19	Đô thị Định Yên	-	V	Phấn đấu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
20	Đô thị Tân Thành	-	V	Phấn đấu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
21	Đô thị Dinh Bà	-	V	Phấn đấu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
22	Đô thị Thường Phước	-	V	Phấn đấu đạt tiêu chuẩn thị trấn, thực hiện phân loại lại theo quy định của pháp luật đến năm 2030
II	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	28	42	

Ghi chú:

- Nội dung định hướng nâng cấp đô thị nêu trên sẽ được định kỳ xem xét, điều chỉnh để đảm phù hợp với nhu cầu, điều kiện, tình hình phát triển đô thị của tỉnh và Kế hoạch, chương trình phát triển đô thị quốc gia.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị.



Phụ lục II
DANH MỤC DỰ KIẾN KHU KINH TẾ
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu kinh tế	Địa điểm	Ghi chú
	Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng	- Quyết định số 191/2001/QĐ-TTg ngày 13/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng chính sách Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp; - Quyết định số 166/2008/QĐ-TTg ngày 11/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp; - Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 09/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030. - Quyết định số 1200/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050.



Phụ lục III
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH BÌNH THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ghi chú
A	Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022			
I	Các khu công nghiệp đã thành lập			
1	Khu công nghiệp Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc	132	
2	Khu công nghiệp Trần Quốc Toản	Thành phố Cao Lãnh	56	
3	Khu công nghiệp Sông Hậu	Huyện Lai Vung	63	
4	Khu công nghiệp Tân Kiều	Huyện Tháp Mười	148	
	Tổng cộng I		400	
II	Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
1	Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Cao Lãnh	Huyện Cao Lãnh	190	Chỉ tính phần diện tích đất khu công nghiệp
2	Khu công nghiệp Cao Lãnh II	Huyện Cao Lãnh	110	
3	Khu công nghiệp Cao Lãnh III	Huyện Cao Lãnh	94	
4	Khu công nghiệp Sông Hậu 2	Huyện Lấp Vò	282	
5	Khu công nghiệp Hòa Tân	Huyện Châu Thành	190	
	Tổng cộng II		866	
	Tổng cộng (I+II)		1.266	
B	Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới và mở rộng trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
1	Khu công nghiệp Ba Sao	Huyện Cao Lãnh	150	
2	Khu công nghiệp Sông Hậu 3	Huyện Lai Vung	300	

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ghi chú
3	Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Tân Mỹ	Huyện Lấp Vò	450	Chỉ tính phần diện tích đất khu công nghiệp
4	Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Cao Lãnh mở rộng	Huyện Cao Lãnh	660	Là phần diện tích mở rộng thêm
5	Khu công nghiệp Cao Lãnh II mở rộng	Huyện Cao Lãnh	790	Là phần diện tích mở rộng thêm
6	Khu công nghiệp Sông Hậu 2 mở rộng	Huyện Lấp Vò	428	Là phần diện tích mở rộng thêm
7	Khu công nghiệp Hòa Tân mở rộng	Huyện Châu Thành	610	Là phần diện tích mở rộng thêm
Tổng cộng			3.388	
Luỹ kế các khu công nghiệp			4.654	
C	Các khu công nghiệp tiềm năng trong Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp thành lập mới			
1	Khu công nghiệp Thường Phước	Huyện Hồng Ngự	1.000	
2	Khu công nghiệp Bình Thạnh	Thành phố Hồng Ngự	300	
3	Khu công nghiệp Dinh Bà	Huyện Tân Hồng	500	
Tổng cộng			1.800	

Ghi chú:

- Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm đúng về chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Phạm vi, quy mô, diện tích khu công nghiệp trong khu kinh tế được xác định theo Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế.

- Tên và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.



Phụ lục IV
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
I	Các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động		443	
1	Cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn	Huyện Châu Thành	41,4	Thủy sản; bao bì, phân bón vi sinh
2	Cụm công nghiệp Tân Dương	Huyện Lai Vung	16,6	Sản xuất gạch, ngói, gốm sứ xuất khẩu
3	Cụm công nghiệp Vàm Cống	Huyện Lấp Vò	18,7	Thủy sản, thức ăn; phụ phẩm từ chế biến thủy sản
4	Cụm công nghiệp Bắc Sông Xáng	Huyện Lấp Vò	15,4	Xay xát, lau bóng gạo, chế biến lương thực
5	Cụm công nghiệp Trường Xuân	Huyện Tháp Mười	93,1	Lương thực; cơ khí; thủ công mỹ nghệ; nông sản
6	Cụm công nghiệp Cần Lố	Huyện Cao Lãnh	15,0	Sản xuất dược liệu, côn y tế
7	Cụm công nghiệp Bình Thành	Huyện Thanh Bình	49,3	Thức ăn chăn nuôi thủy sản; chế biến lương thực
8	Cụm công nghiệp Phong Mỹ	Huyện Cao Lãnh	5,5	Chế biến thức ăn thủy sản
9	Cụm công nghiệp An Bình	Huyện Cao Lãnh	16,5	Chế biến thực phẩm từ gia cầm, thủy cầm và gia súc
10	Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh	58,0	Thức ăn gia súc; thủy sản; nông sản; sản xuất phân bón
11	Cụm công nghiệp Phú Cường	Huyện Tam Nông	14,5	Thủy sản, thức ăn chăn nuôi; chế biến lương thực
12	Cụm công nghiệp Định An	Huyện Lấp Vò	49,9	May mặc; chế biến nông sản, lương thực; chế biến thủy sản, thức ăn chăn nuôi; sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp
13	Cụm công nghiệp Tân Lập	Huyện Châu Thành	49,6	Xay xát, lau bóng gạo, chế biến thức ăn gia súc
Tổng cộng (I)			443	



TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
II	Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật			
III	Các cụm công nghiệp thành lập mới		1.180	
1	Cụm công nghiệp An Hòa	Thành phố Hồng Ngự	43	
2	Cụm công nghiệp Quảng Khánh	Thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh	50	
3	Cụm công nghiệp Tiểu thủ công nghiệp	Thành phố Cao Lãnh	50	
4	Cụm công nghiệp Tân Thạnh	Huyện Thanh Bình	74	
5	Cụm công nghiệp Vĩnh Thới	Huyện Lai Vung	75	
6	Cụm công nghiệp Phú Hiệp	Huyện Tam Nông	75	
7	Cụm công nghiệp Tân Phú Đông	Thành phố Sa Đéc	15	
8	Cụm công nghiệp Khởi nghiệp	Thành phố Hồng Ngự	29	
9	Cụm công nghiệp Thường Phước	Huyện Hồng Ngự	75	
10	Cụm công nghiệp Tân Lập 2	Huyện Châu Thành	50	
11	Cụm công nghiệp Phong Hoà	Huyện Lai Vung	75	
12	Cụm công nghiệp Phú Thành A	Huyện Tam Nông	75	
13	Cụm công nghiệp Tân Phước	Huyện Tân Hồng	75	
14	Cụm công nghiệp An Phong	Huyện Thanh Bình	75	
15	Cụm công nghiệp Bình Hưng	Thành phố Hồng Ngự	69	

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
16	Cụm công nghiệp Tân Thành B	Huyện Tân Hồng	50	
17	Cụm công nghiệp Hoà Bình	Huyện Tam Nông	75	
18	Cụm công nghiệp Phương Thịnh	Huyện Cao Lãnh	75	
19	Cụm công nghiệp Mỹ Xương	Huyện Cao Lãnh	75	
Tổng cộng (I) + (II) + (III)			1.623	

Ghi chú: Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm đúng về chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.



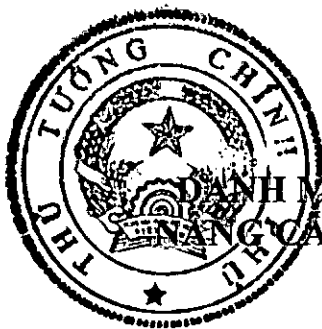
Phụ lục V
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC VÙNG SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP TẬP TRUNG TỈNH ĐỒNG THÁP
★ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
I	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG DO BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG, DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	
1	Chống chịu khí hậu và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long - tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc và các huyện Hồng Ngự, Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành
2	Dự án Trại nhân giống vật nuôi chất lượng cao đồng bằng sông Cửu Long	Các huyện, thành phố
3	Dự án Liên kết sản xuất cá tra giống chất lượng cao tỉnh Đồng Tháp	Các huyện, thành phố
4	Hạ tầng phục vụ sản xuất vùng xoài	Các huyện, thành phố
II	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
1	Đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Các huyện, thành phố
2	Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng cơ giới hoá kết hợp với nông nghiệp thông minh và ứng dụng tiến bộ khoa học trong xây dựng chuỗi giá trị hàng hoá nông nghiệp	Các huyện, thành phố
3	Phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi tập trung nông, thủy sản chủ lực	Các huyện, thành phố
4	Phát triển các tiểu khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các huyện, thành phố
5	Phát triển chuỗi giá trị hàng hóa nông nghiệp gắn với các ứng dụng thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc hàng hóa	Các huyện, thành phố
III	DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ	
1	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Cao Lãnh	Huyện Cao Lãnh

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
2	Trung tâm Logistics và mở rộng chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh
3	Điểm dừng chân Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh
4	Khu sản xuất giống thủy sản tập trung	Huyện Lấp Vò
5	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch nghỉ dưỡng nông nghiệp Cần Đông Giang	Thành phố Sa Đéc
6	Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Tân Mỹ	Huyện Lấp Vò
7	Vùng chuyên canh cây ăn trái - nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch ứng dụng công nghệ cao	Huyện Cao Lãnh
8	Vùng chuyên canh hoa màu ứng dụng công nghệ cao	Huyện Thanh Bình
9	Vùng chuyên canh cây ăn trái kết hợp với du lịch Tân Thuận Đông	Thành phố Cao Lãnh
10	Nhà máy chế biến trái cây, rau, củ, quả	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động
11	Nhà máy chế biến các sản phẩm sau gạo	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động
12	Dự án sản xuất, chế tạo máy cơ khí phục vụ cho ngành nông nghiệp	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động
13	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung	Huyện Cao Lãnh
14	Cơ sở chế biến sau thu hoạch củ kiệu và khoai môn	Huyện Thanh Bình
15	Nhà máy chế biến rau quả đông lạnh	Huyện Thanh Bình
16	Đầu tư phát triển du lịch miệt vườn kết hợp tham quan trải nghiệm vùng Cù Lao Tây	Huyện Thanh Bình
17	Vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao	Huyện Hồng Ngự
18	Vùng sản xuất cây có múi ứng dụng công nghệ cao	Huyện Lai Vung, huyện Lấp Vò
19	Vùng sản xuất xoài ứng dụng công nghệ cao	Thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh, huyện Thanh Bình
20	Vùng sản xuất hoa kiểng ứng dụng công nghệ cao	Thành phố Sa Đéc, huyện Lai Vung, huyện Lấp Vò

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
21	Vùng sản xuất cá tra giống ứng dụng công nghệ cao	Huyện Châu Thành, huyện Cao Lãnh
22	Vùng sản xuất tôm càng xanh ứng dụng công nghệ cao	Huyện Tam Nông, huyện Cao Lãnh
23	Vùng chăn nuôi vịt ứng dụng công nghệ cao	Huyện Tháp Mười

Ghi chú: Các dự án, công trình khác căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương. Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục VI
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU DU LỊCH XÂY DỰNG MỚI,
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu	Địa điểm dự kiến
I	Khu du lịch cấp quốc gia	
II	Khu du lịch cấp tỉnh	
1	Khu du lịch sinh thái Tràm Chim	Huyện Tam Nông
2	Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng	Huyện Cao Lãnh
3	Khu du lịch sinh thái Xẻo Quýt	Huyện Cao Lãnh
4	Khu du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười	Huyện Tháp Mười
5	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái Tân Thuận Đông	Thành phố Cao Lãnh
6	Khu du lịch nông nghiệp nghỉ dưỡng Cồn Đông Giang	Thành phố Sa Đéc
7	Khu nghỉ dưỡng ven sông Tiền	Thành phố Cao Lãnh
8	Khu đô thị du lịch sông Tiền	Thành phố Sa Đéc
9	Khu đô thị và du lịch thể giới hoa	Thành phố Sa Đéc
10	Khu du lịch sinh thái tâm linh, chăm sóc sức khỏe kết hợp trải nghiệm làng nghề Hồng Ngự	Huyện Hồng Ngự

Ghi chú:

- Các khu, điểm du lịch, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan thực hiện cụ thể hóa tên, vị trí, ranh giới, diện tích, nguồn vốn đầu tư của các công trình, lộ trình thực hiện các công trình, dự án khu du lịch, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao, đô thị đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.



Phụ lục VII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC KHU BẢO TỒN, DI TÍCH LỊCH SỬ -
VĂN HÓA, KHU VỰC CẦN ĐƯỢC BẢO QUẢN, TU BỒ,
TÔN TẠO, PHỤC HỒI KHÁC TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hoá	Địa điểm
I	DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT	
	Di tích Quốc gia đặc biệt Gò Tháp	Huyện Tháp Mười
II	DI TÍCH QUỐC GIA	
1	Đền thờ ông bà Đỗ Công Tường	Thành phố Cao Lãnh
2	Di tích mộ Cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc	Thành phố Cao Lãnh
3	Di tích lịch sử khu căn cứ kháng chiến của Tỉnh ủy Kiến Phong (Xẻo Quít)	Huyện Cao Lãnh
4	Chùa Kiến An Cung (chùa Ông Quách)	Thành phố Sa Đéc
5	Nhà cổ ông Huỳnh Cẩm Thuận	Thành phố Sa Đéc
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Bửu Hưng (chùa Cả Cát)	Huyện Lai Vung
7	Di tích Đình Định Yên	Huyện Lấp Vò
8	Di tích Đình Long Khánh	Huyện Hồng Ngự
9	Di tích Đình Phú Hựu	Huyện Châu Thành
10	Di tích Đình Tân Phú Trung	Huyện Châu Thành
11	Đình Tân Nhuận Đông	Huyện Châu Thành
12	Vườn quốc gia Tràm Chim	Huyện Tam Nông
13	Di tích lịch sử lưu niệm cơ quan giao bưu Thông tin vô tuyến điện Nam Bộ	Huyện Tam Nông
14	Di tích lịch sử tượng đài chiến thắng Giồng Thị Đam - Gò Quán Cung	Huyện Tân Hồng
15	Di tích lịch sử Đền thờ Trần Văn Năng	huyện Thanh Bình
16	Vụ Thảm sát Bình Thành	huyện Thanh Bình
17	Địa điểm tập kết ra Bắc năm 1954 tại Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
III	DI TÍCH CẤP TỈNH	
1	Văn Thánh Miếu	Thành phố Cao Lãnh
2	Bia Tiền Hiền Nguyễn Tú	Thành phố Cao Lãnh
3	Đền thờ tam vị đại thần và tượng thờ cụ Thống Linh	Thành phố Cao Lãnh
4	Bia lưu niệm nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
5	Khu căn cứ kháng chiến của Thị xã ủy Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
6	Cụm di tích Dinh Quận, Dinh Cò Tây, Nhà thầy thuốc Lư, Phòng tra tấn và phòng biệt giam	Thành phố Cao Lãnh

STT	Tên khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hoá	Địa điểm
7	Mộ ông Phan Văn Cừ	Thành phố Cao Lãnh
8	Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
9	Mộ Cụ Nguyễn Quang Điều	Thành phố Cao Lãnh
10	Di tích Đình Mỹ Ngãi	Thành phố Cao Lãnh
11	Di tích Đình Tân Tịch	Thành phố Cao Lãnh
12	Di tích Đình Tân An	Thành phố Cao Lãnh
13	Nhà tưởng niệm Anh hùng Liệt sĩ Nguyễn Văn Phỗi	Thành phố Cao Lãnh
14	Di tích Đình Tân Thuận Tây	Thành phố Cao Lãnh
15	Di tích Đình Tịnh Thới	Thành phố Cao Lãnh
16	Chùa Bửu Lâm	Huyện Cao Lãnh
17	Căn cứ kháng chiến của Huyện ủy Cao Lãnh	Huyện Cao Lãnh
18	Di tích chống lấn chiếm Vàm Xáng Mỹ Thọ	Huyện Cao Lãnh
19	Đình Mỹ Long	Huyện Cao Lãnh
20	Đình Thượng Văn	Huyện Cao Lãnh
21	Di tích Triều Âm Tự	Huyện Cao Lãnh
22	Phủ thờ Thụ Ngọc Hầu - Nguyễn Văn Thụ	Huyện Cao Lãnh
23	Đình Bình Hàng Trung	Huyện Cao Lãnh
24	Địa điểm đóng quân của lực lượng an ninh Khu 8	Huyện Cao Lãnh
25	Đình Mỹ Hội	Huyện Cao Lãnh
26	Đình Trà Bông	Huyện Cao Lãnh
27	Đình Phong Mỹ	Huyện Cao Lãnh
28	Nơi diễn ra trận tiêu diệt Thiếu tướng Chanson và Thủ hiến Thái Lập Thành	Thành phố Sa Đéc
29	Rẫy Cụ Hồ	Thành phố Sa Đéc
30	Đình Vĩnh Phước	Thành phố Sa Đéc
31	Chùa Thiên Hậu	Thành phố Sa Đéc
32	Tòa Hành chánh tỉnh Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
33	Bia Chi đội Hải Ngoại Trần Phú	Thành phố Sa Đéc
34	Trụ sở Ủy ban Khởi nghĩa	Thành phố Sa Đéc
35	Di tích nhà cổ ông Nguyễn Thành Giung	Thành phố Sa Đéc
36	Di tích Đình Tân Quy Tây	Thành phố Sa Đéc
37	Di tích nhà cổ Trần Phú Cương	Thành phố Sa Đéc
38	Nơi thành lập một trong những Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Cần Thơ	Huyện Lai Vung
39	Đình Tân Dương và Bức phù điêu Tân Dương	Huyện Lai Vung
40	Đình Phong Hòa	Huyện Lai Vung
41	Đình Vĩnh Thới - Tân Hòa	Huyện Lai Vung
42	Tượng đài tưởng niệm vụ thảm sát ở Long Hưng B	Huyện Lấp Vò
43	Đình Tòng Sơn và nơi thờ Phật Thầy Tây An	Huyện Lấp Vò
44	Vụ thảm sát nhân dân ở Mương Chùa	Huyện Lấp Vò
45	Mộ Ông Nguyễn Văn Ở	Huyện Lấp Vò

STT	Tên khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hoá	Địa điểm
46	Di tích Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	Huyện Lấp Vò
47	Đình Tân An Trung	Huyện Lấp Vò
48	Di tích Bia ghi dấu sự kiện thành lập Chi bộ đầu tiên ở Lấp Vò	Huyện Lấp Vò
49	Di tích Vụ thăm sát nhân dân ở Rạch Cái Dứa	Huyện Lấp Vò
50	Di tích đình Long Khánh	Huyện Lấp Vò
51	Cụm di tích Đình Cai Châu - Đài chiến sĩ trận Vọng và nhà bia tưởng niệm Tân Mỹ	Huyện Lấp Vò
52	Di tích Khu du lịch văn hóa Phương Nam	Huyện Lấp Vò
53	Đình Bình Thạnh Trung	Huyện Lấp Vò
54	Đình Hội An Đông	Huyện Lấp Vò
55	Đình Long Hưng A	Huyện Lấp Vò
56	Đình Bình Thành	Huyện Lấp Vò
57	Đình Mỹ An Hưng B	Huyện Lấp Vò
58	Phòng tuyến Cái Tàu Hạ	Huyện Châu Thành
59	Căn cứ Tỉnh ủy Vĩnh Long	Huyện Châu Thành
60	Di tích Đình Long Thuận	Huyện Hồng Ngự
61	Di tích Miếu Bà Chúa Xứ	Huyện Hồng Ngự
62	Di tích Long Khương Miếu	Huyện Hồng Ngự
63	Đình Thường Phước	Huyện Hồng Ngự
64	Di tích Đình Thường Lạc	Thành phố Hồng Ngự
65	Di tích Đình Tân Hội	Thành phố Hồng Ngự
66	Di tích Quan Đế Miếu	Thành phố Hồng Ngự
67	Di tích Bia kỷ niệm nơi thành lập lực lượng địa phương quân Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
68	Địa điểm ghi danh các vị trấn thủ Vùng đất Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
69	Di tích Đình Phú Thành A	Huyện Tam Nông
70	Di tích Đình An Long	Huyện Tam Nông
71	Mộ Tiên hiền Huỳnh Công Huy	Huyện Tân Hồng
72	Gò Chùa Tân Long	Huyện Tân Hồng
73	Di tích Chùa Phước Thiện	Huyện Tân Hồng
74	Căn cứ kháng chiến Cả Tráp	Huyện Tân Hồng
75	Di tích Đình Ngã Ba Thông Bình	Huyện Tân Hồng
76	Khu căn cứ Bắc Dầu Quán Tre	Huyện Thanh Bình
77	Di tích Đình An Phong	Huyện Thanh Bình
78	Di tích Đình Tân Long	Huyện Thanh Bình
79	Miếu Bà Chúa Xứ	Huyện Thanh Bình
80	Đình Tân Phú	Huyện Thanh Bình
81	Đình Tân Thạnh	Huyện Thanh Bình
82	Vụ Thăm sát Lợi An	Huyện Tháp Mười

STT	Tên khu bảo tồn, di tích lịch sử - văn hoá	Địa điểm
83	Chống lấn chiếm kinh Ba Mỹ Điền	Huyện Tháp Mười
84	Di tích địa điểm Đồng khởi chiến thắng giải phóng xã Thanh Mỹ	Huyện Tháp Mười
85	Miếu Bà chúa Xứ	Huyện Tháp Mười
86	Bia chiến thắng trận đánh Pháp năm 1949 của Tiểu đoàn 307	Huyện Tháp Mười
87	Đền thờ Đốc Binh Kiều	Huyện Tháp Mười

Ghi chú:

- Các khu bảo tồn, điểm di tích văn hoá - lịch sử thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành quốc gia có liên quan và quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định pháp luật.



Phụ lục VIII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
A	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ, CAO TỐC			
	Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050			
B	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH			
I	Nâng cấp, cải tạo			
1	ĐT.841	Giao đường Hùng Vương - Nguyễn Huệ	Cửa khẩu Thường Phước	III, 2 - 4 làn xe
2	ĐT.842	Tuyến tránh quốc lộ 30, thành phố Hồng Ngự	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An (huyện Tân Hồng)	III, 2 - 4 làn xe
3	ĐT.843	Giao quốc lộ 30, thị trấn Thanh Bình	Bến đò Long Sơn Ngọc	III - IV, 2 - 4 làn xe
4	ĐT.844	Quốc lộ 30, huyện Tam Nông	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An (huyện Tháp Mười)	Quy hoạch thành quốc lộ 30C
5	ĐT.845	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Tiền Giang (huyện Tháp Mười)	Cửa khẩu Bình Phú	III, 2 - 4 làn xe
6	ĐT.846	Giao quốc lộ 30, thành phố Cao Lãnh	Ranh tỉnh Tiền Giang - Đồng Tháp (huyện Tháp Mười)	Quy hoạch thành quốc lộ 30B
7	ĐT.848			
-	Đoạn 1: Từ Nguyễn Sinh Sắc đến vành đai ĐT.848	Giao đường Nguyễn Sinh Sắc	Giao vành đai ĐT.848	Quy hoạch thành đường đô thị

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
-	Đoạn 2: Từ vành đai ĐT.848 đến tỉnh Đồng Tháp - An Giang	Giao vành đai ĐT.848	Ranh tỉnh Đồng Tháp - An Giang (huyện Lấp Vò)	Quy hoạch thành quốc lộ 80B
8	Vành đai ĐT.848	Giao ĐT.848	Giao quốc lộ 80, thành phố Sa Đéc	Quy hoạch thành quốc lộ 80B
9	ĐT.849	Giao quốc lộ 80B, huyện Lấp Vò	Giao quốc lộ 54, huyện Lai Vung	III, 2 - 4 làn xe
10	ĐT.850	Bến phà Sa Đéc, huyện Cao Lãnh	Giao với đường Hồ Chí Minh (quốc lộ 30B)	III, 2 - 4 làn xe
11	ĐT.851	Giao quốc lộ 54, huyện Lai Vung	Giao quốc lộ 80B, thành phố Sa Đéc	III, 2 - 4 làn xe
12	ĐT.852	Giao ĐT.848, thành phố Sa Đéc	Giao ĐT.854 (mới), huyện Châu Thành	III, 2 - 4 làn xe
13	ĐT.852B	Giao ĐH.64, huyện Lấp Vò	Giao ĐT.848 (mới), huyện Lấp Vò	III, 2 - 4 làn xe
14	ĐT.853	Giao quốc lộ 80, thành phố Sa Đéc	Bến phà Phong Hòa - Thới An	III, 2 - 4 làn xe
15	ĐT.854	Giao quốc lộ 80, xã Tân Nhuận Đông	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Vĩnh Long (huyện Châu Thành)	Quy hoạch thành đường huyện
16	ĐT.855	Giao ĐT.844, thị trấn Tràm Chim	Giao đường liên xã Hòa Bình - Phước Xuyên	Quy hoạch thành đường huyện
17	ĐT.856	Giao tuyến tránh quốc lộ 30, thành phố Cao Lãnh	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An (huyện Tháp Mười)	III, 2 - 4 làn xe
18	ĐT.857	Giao quốc lộ 30, huyện Thanh Bình	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An (huyện Tháp Mười)	III, 2 - 4 làn xe
II Xây dựng mới				
1	ĐT.843B	Giao ĐT.842, huyện Tân Hồng	Giao quốc lộ 30, huyện Tân Hồng	III, 2 - 4 làn xe
2	ĐT.844 (mới)	Giao quốc lộ 30, huyện Tam Nông	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Long An	III, 2 - 4 làn xe

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
			(huyện Tam Nông)	
3	ĐT.846 (mới)	Giao quốc lộ 30, huyện Cao Lãnh	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Tiền Giang (huyện Tháp Mười)	III, 2 - 4 làn xe
4	ĐT.846B	Giao quốc lộ 30, huyện Cao Lãnh	Giao quốc lộ 30B, huyện Tháp Mười	III, 2 - 4 làn xe
5	ĐT.847	Giao quốc lộ 30, huyện Cao Lãnh	Giao quốc lộ 30C, huyện Tháp Mười	III, 2 - 4 làn xe
6	ĐT.848 (mới)	Giao quốc lộ 80B, thành phố Sa Đéc	Giao ĐT.848B, huyện Lấp Vò	II - III, 2 - 4 làn xe
-	Đoạn 1: Từ quốc lộ 80B, thành phố Sa Đéc đến ĐT.849	Giao quốc lộ 80B, thành phố Sa Đéc	Giao ĐT.849, huyện Lấp Vò	II, 2 - 4 làn xe
-	Đoạn 2: Từ ĐT.849 đến ĐT.848B	Giao ĐT.849, xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò	Giao ĐT.848B, huyện Lấp Vò	III, 2 - 4 làn xe
7	ĐT.848B	Giao quốc lộ 80, huyện Lấp Vò	Giao quốc lộ 80B, huyện Lấp Vò	III, 2 - 4 làn xe
8	ĐT.849B	Giao quốc lộ 80, huyện Lấp Vò	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Vĩnh Long (huyện Lai Vung)	III, 2 - 4 làn xe
9	ĐT.851B	Giao ĐT.852 (kéo dài), huyện Lai Vung	Giao quốc lộ 54, huyện Lai Vung	III, 2 - 4 làn xe
10	ĐT.852C	Giao quốc lộ 80, huyện Lai Vung	Giao cao tốc Bắc - Nam phía Đông, huyện Châu Thành	III, 2 - 4 làn xe
11	ĐT.853B	Ranh thành phố Cần Thơ - tỉnh Đồng Tháp (huyện Lai Vung)	Giao ĐT.850, huyện Cao Lãnh	II - III, 2 - 4 làn xe
12	ĐT.854 (mới)	Giao quốc lộ 80, huyện Châu Thành	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Vĩnh Long (huyện Châu Thành)	III, 2 - 4 làn xe

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến (cấp đường/số làn xe)
13	ĐT.854B	Giao quốc lộ 80, huyện Châu Thành	Ranh tỉnh Đồng Tháp - Vĩnh Long (huyện Châu Thành)	III, 2 - 4 làn xe
14	ĐT.855 (mới)	Giao quốc lộ 30, huyện Thanh Bình	Giao ĐT.845, huyện Tam Nông	III, 2 - 4 làn xe
15	ĐT.855B	Giao ĐT.842, huyện Tân Hồng	Giao ĐT.856 (kéo dài), huyện Tháp Mười	III, 2 - 4 làn xe
16	ĐT.856B	Giao ĐT.855 (mới), huyện Thanh Bình	Giao ĐT.845, huyện Tháp Mười	III, 2 - 4 làn xe

Ghi chú:

- Việc đầu tư các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp phải phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

- Quy mô theo quy hoạch là quy mô được tính toán theo nhu cầu dự báo. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng nguồn lực đầu tư, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.

- Các đoạn đường qua đô thị, qua các khu chức năng thì quy mô, hướng tuyến cụ thể được thực hiện theo quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng hoặc quy hoạch chuyên ngành.



Phụ lục IX

**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg

ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

**A. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA CẤP QUỐC GIA VÀ CẢNG
THỦY NỘI ĐỊA TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Các tuyến đường thủy nội địa cấp quốc gia, cảng thủy nội địa trung ương quản lý trên địa bàn được thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Cảng biển

TT	Tên cảng	Địa điểm	Sông, kênh	Chức năng	Cỡ tàu/ quy mô
I	Các cảng, bến hiện hữu				
1	Cảng Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc	Sông Tiền	Là cảng tổng hợp, container, hàng lỏng/khí, bến khách	5.000 DWT
2	Cảng Trần Quốc Toản	Thành phố Cao Lãnh	Sông Tiền		5.000 DWT
3	Cảng Thường Phước	Huyện Hồng Ngự	Sông Tiền		5.000 DWT
II	Các cảng, bến xây dựng mới				
1	Cảng Lấp Vò	Huyện Lấp Vò	Sông Hậu	Là cảng tổng hợp, container, hàng lỏng/khí, bến khách	10.000 DWT
2	Các khu bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh trú bão				5.000 - 10.000 DWT
3	Các cảng biển tiềm năng khác				5.000 - 10.000 DWT

B. TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG THỦY NỘI ĐỊA, ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ

1. Tuyến đường thủy nội địa

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa	Cấp kỹ thuật	
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
I	Các tuyến hiện có		
1	Kênh Kháng Chiến	VI	VI
2	Kênh Phú Hiệp	V	V
3	Kênh Đốc Vàng Hạ - Đường Gạo	V	V
4	Sông Cái Nhỏ	IV	III
5	Kênh Thầy Lâm	VI	VI
6	Sông Dừa - rạch Nha Môn Tư Tái	VI	V
7	Sông Sở Thượng	V	V
8	Kênh Đường Thét	V	V
9	Kênh Tân Thành - Lò Gạch (bao gồm rạch Bù Góc)	V	V
10	Rạch Cần Lố	V	V
11	Sông Cao Lãnh	VI	V
12	Sông Cái Sao Thượng (bao gồm kênh Vạn Thọ)	VI	V
13	Nhánh sông Tiền (Bình Thành)	IV	IV
14	Kênh Tân Công Chí	VI	V
15	Kênh An Phong - Mỹ Hòa	VI	V
16	Sông Sở Hạ	VI	V
17	Kênh Tứ Thường	VI	VI
18	Kênh Tân Công Sính 1	VI	V
19	Kênh Tân Thành	VI	V
20	Rạch Cái Cái	VI	V
21	Kênh An Bình	VI	IV
22	Sông Cái Vừng	IV	IV
23	Kênh Đốc Vàng Thượng	V	IV
24	Kênh 2/9	VI	V
25	Kênh Cái Bèo	VI	VI
26	Kênh 307 và một đoạn kênh đào	VI	V
27	Kênh Dương Hòa - Long Thắng	VI	V

TT	Tên tuyến đường thủy nội địa	Cấp kỹ thuật	
		Hiện trạng	Định hướng đến năm 2030
28	Kênh Xáng số 1 - Rạch Miễu	VI	VI
29	Rạch Cái Tàu Hạ - Cái Vồn	VI	V
30	Kênh Nguyễn Văn Tiếp B	IV	IV
31	Kênh Bà Thâm - Xã Hời	VI	IV
32	Kênh Xáng Lấp Vò 2 (kênh Ông Phú)	VI	VI
II	Các tuyến chuyển cho huyện quản lý		
1	Rạch Lai Vung (bao gồm rạch Lai Vung, sông Hòa Long, kênh Phó Cừ, rạch Cái Sâu)	VI	VI
2	Kênh Sa Rài	VI	VI
3	Kênh Phú Đức	VI	VI
4	Kênh Bông Súng - kênh Cùng - Long Thắng	VI	VI
5	Kênh Cần Thơ - Huyện Hàm	VI	VI
6	Kênh Bình Thành 4	VI	VI

2. Cảng thủy nội địa hàng hóa

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030		
				Cỡ tàu (Tấn)	Công suất (1.000 T/năm)	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)
I	Các cảng, bến hiện có					
	Cảng Bảo Mai	Huyện Lai Vung	Sông Hậu	15.000	500.000	15
II	Các cảng, bến xây dựng mới					
1	Cảng sông Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc	Kênh Lấp Vò - Sa Đéc	300	500.000	10
2	Cảng Phong Hòa	Huyện Lai Vung	Sông Hậu	10.000	500.000	15
3	Cảng Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự	Sông Tiền	5.000	1.000.000	15
4	Cảng Tân Mỹ	Huyện Lấp Vò	Sông Tiền	5.000	500.000	10
5	Cảng Cao Lãnh 3	Huyện Cao Lãnh	Sông Tiền	5.000	50.000	10
6	Một số cảng khác			1.000 - 3.000	600.000	20

3. Cảng, bến thủy nội địa hành khách

TT	Tên cảng	Địa điểm dự kiến	Sông, kênh	Định hướng đến năm 2030			
				Cỡ tàu (Ghế)	Công suất (nghìn lượt hành khách/năm)	Nhu cầu sử dụng đất dự kiến (ha)	
I	Các cảng hiện có						
II	Các cảng xây dựng mới						
1	Cảng hành khách Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh	Sông Tiền	100			0,5
2	Cảng hành khách Sa Đéc 1	Thành phố Sa Đéc	Sông Tiền	100			0,5
3	Cảng hành khách Sa Đéc 2	Thành phố Sa Đéc	Sông Tiền	250			0,5
4	Cảng hành khách Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự	Sông Tiền	100			0,5
5	Một số cảng khác			100 - 250			2,0

Ghi chú:

- Hệ thống cảng tỉnh Đồng Tháp và việc đầu tư các dự án bến cảng thủy nội địa và cảng biển trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021; Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2021; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Ngoài các dự án nêu trên, xem xét theo nhu cầu thực tế, điều chỉnh, phát triển thêm các cảng, bến hàng hóa, hành khách phù hợp với định hướng của các quy hoạch liên quan và quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.



Phụ lục X
DANH MỤC DỰ KIẾN SÂN BAY
TỈNH ĐÔNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Dự án	Địa điểm
1	Sân bay chuyên dùng	Huyện Hồng Ngự
2	Sân bay chuyên dùng	Thành phố Sa Đéc
3	Sân bay chuyên dùng	Bắc sông Tiền

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XI
DANH MỤC DỰ KIẾN NGUỒN ĐIỆN VÀ LƯỚI ĐIỆN
TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	Công trình cấp điện	Công suất dự kiến (MW)	Địa điểm dự kiến
I	Điện mặt trời tiềm năng phát triển khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật		
1	Điện mặt trời	1.300	Các huyện, thành phố
2	Điện mặt trời kết hợp sản xuất nông nghiệp	2.000	Các huyện, thành phố
3	Điện mặt trời kết hợp sản xuất hydro xanh	500	Các huyện, thành phố
II	Điện sinh khối, điện sản xuất từ rác		
1	Năng lượng rác	13,2	Các huyện, thành phố
2	Năng lượng sinh khối	12,7	Các huyện, thành phố

B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI

I. Trạm biến áp 110 kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)	
		Hiện trạng	Công suất dự kiến
	* Xây dựng mới		
1	Mỹ Long		80
2	Khu công nghiệp Ba Sao		40
3	An Bình		63
4	Trường Xuân		80
5	Tân Kiều		63
6	Thanh Bình		80
7	Phú Hiệp		63
8	Tân Hồng		80

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)	
		Hiện trạng	Công suất dự kiến
9	Tân Hộ Cơ		40
10	Thường Phước 1		40
11	Sa Đéc 2		80
12	Khu công nghiệp Sa Đéc C		40
13	Tân Thành		80
14	Sông Hậu 2		40
15	Lấp Vò 2		40
	* Nâng cấp, cải tạo		
1	Trần Quốc Toàn	80	103
2	Tháp Mười	40	103
3	An Long	80	103
4	Tam Nông	40	103
5	Hồng Ngự	80	103
6	Sa Đéc	80	103
7	Nha Môn	40	80
8	Sông Hậu	40	80

II. Đường dây 110 kV

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x km)	
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến
	* Xây dựng mới		
1	Hồng Ngự - Vĩnh Hưng		1x49
2	An Long - Tam Nông		1x23,5
3	Đầu nối trạm 110kV Tân Thành		2x6,8
4	Đầu nối trạm 110kV Tân Hồng		2x6,8
5	Đầu nối trạm 110kV Trường Xuân		2x1
6	Đầu nối trạm 110kV Thanh Bình		2x2,2
7	Đầu nối trạm 110kV Mỹ Long		2x3,5
8	Lộ ra số 1 trạm 220kV Lấp Vò đầu nối đường dây 110kV An Hòa - Thạnh Hưng		2x2,3
9	Lộ ra số 2 trạm 220kV Lấp Vò đầu nối trạm 110kV Lấp Vò 2		2x5

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch x km)	
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến
10	Lộ ra số 1 trạm 220kV Hồng Ngự		2x0,378
11	Lộ ra số 2 trạm 220kV Hồng Ngự		3x0,26
12	Lộ ra số 3 trạm 220kV Hồng Ngự		3x5,623
13	Đầu nối trạm 110kV khu công nghiệp Ba Sao		2x0,9
14	Đầu nối trạm 110kV An Bình		2x1
15	Đầu nối trạm 110kV Tân Kiều		2x6
16	Đầu nối trạm 110kV Phú Hiệp		2x9
17	Đầu nối trạm 110kV Tân Hộ Cơ		2x17,5
18	Hồng Ngự - Thường Phước 1		2x18,7
19	An Hòa - Khu công nghiệp Sa Đéc C		1x6,5
20	Đầu nối trạm 110kV Sông Hậu 2		2x8
21	Trạm 220kV Cao Lãnh - Mỹ Thuận		2x28
	* Nâng cấp, cải tạo		
1	An Long - Trạm 220kV Hồng Ngự	1x8	2x8
2	Vĩnh Long 2 - Sa Đéc	1x17	1x17
3	Trạm 220kV Ô Môn - Trạm 110kV Sông Hậu	1x7,7	2x7,7
4	Trạm 220kV Cao Lãnh - Tháp Mười	1x23	2x23
5	An Hòa - Trạm 220kV Sa Đéc	1x3,9	2x3,9
6	Trần Quốc Toàn - An Long	1x31,7	2x31,7
7	Trạm 110kV Cao Lãnh - Trần Quốc Toàn	1x12,9	2x12,9
8	Trạm 220kV Sa Đéc - Sông Hậu	1x15,4	2x15,4

Ghi chú:

- Hạ tầng cấp điện tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023.

- Đầu tư các dự án nguồn điện, các trạm biến áp và tuyến đường dây phải bảo đảm phù hợp Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.



Phụ lục XII

**DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI XÂY DỰNG MỚI,
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

A. GIẢI PHÁP PHI CÔNG TRÌNH

TT	Tên dự án/đề án	Mục tiêu
1	Xây dựng Đề án điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt khu vực đầu nguồn và đề xuất giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu và đề xuất giải pháp phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo trong sản xuất nông, lâm và ngư nghiệp
2	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (WebGIS) phục vụ công tác quản lý thủy lợi và phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng hệ thống bản đồ trực tuyến phục vụ công tác quản lý trên nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng mục tiêu chuyển đổi số trong lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai
3	Xây dựng Đề án nghiên cứu sạt lở sông Tiền, sông Hậu và hệ thống kênh nội đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Quản lý và kiểm soát được vấn đề sạt lở do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh
4	Xây dựng Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Nhằm giúp cho các cấp chính quyền địa phương và nhân dân trong tỉnh chủ động trong công tác ứng phó, hạn chế tối đa thiệt hại về người, tài sản,... để khắc phục hậu quả sau thiên tai
5	Xây dựng Đề án phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai chi tiết giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến 2050 phục vụ phát triển sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu, phát triển thượng nguồn và nước biển dâng	Điều tra, đánh giá, đề xuất giải pháp, định hướng phát triển, phương án công trình, kế hoạch đầu tư chi tiết cho thủy lợi và phòng chống thiên tai trong giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến 2050 nhằm đáp ứng được mục tiêu đảm bảo nguồn nước, kiểm soát nguồn nước,... phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh
6	Xây dựng Đề án cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Cụ thể hoá Luật thủy lợi, hạn chế tối đa xâm hại đến công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai, phục vụ công tác quản lý điều hành của ngành nông nghiệp

B. GIẢI PHÁP CÔNG TRÌNH

I. CẢI TẠO, NÂNG CẤP HỆ THỐNG KÊNH TRỤC CHÍNH VÙNG ĐỒNG THÁP MƯỜI

TT	Tên dự án	Chiều dài (km)	Cấp kênh	Mục tiêu
1	Kênh Đốc Vàng Thượng	13	III	Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh (gồm: (i) nạo vét; (ii) hoàn thiện hệ thống đê bao kết hợp đường giao thông dọc hai bên bờ kênh; (iii) bến tập kết hàng hoá; (iv) kè chống sạt lở bờ kênh) nhằm luân chuyển nguồn nước (tiêu thoát lũ, cung cấp nước tưới, điều hoà nguồn nước,...) kết hợp giao thông thủy bộ phục vụ cho các ngành kinh tế và ổn định đời sống các khu dân cư tập trung dọc tuyến kênh
2	Kênh Đốc Vàng Hạ	8	III	
3	Rạch Cái Tre	11	III	
4	Ngọn Cái Dầu - kênh Giáo Đường	11	III	
5	Kênh Cái Bèo	18	III	
6	Kênh Đồng Tiến - Lagrange	48	I	
7	Kênh An Phong - Mỹ Hoà	50	I	
8	Kênh Nguyễn Văn Tiếp A	44	I	
9	Kênh Tân Thành - Lò Gạch	55	I	
10	Sông Sở Thượng - Sở Hạ	46	II	
11	Kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng	44	I	
12	Kênh Phước Xuyên	52	I	
13	Kênh 2/9	27	II	
14	Kênh Kháng Chiến	29	II	

II. CẢI TẠO, NÂNG CẤP HỆ THỐNG KÊNH LUÂN CHUYỂN NƯỚC SÔNG TIỀN - SÔNG HẬU

TT	Tên dự án	Chiều dài (km)	Cấp kênh	Mục tiêu
1	Rạch Cái Tàu Thượng	12	II	Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh (nạo vét, hoàn thiện hệ thống đê bao kết hợp đường giao thông, bến tập kết hàng hoá, kè chống sạt lở bờ kênh) nhằm luân chuyển nguồn nước (cung cấp nước tưới, điều hoà nguồn nước, chống ngập úng) kết hợp giao thông thủy bộ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.
2	Sông Lấp Vò - Kênh Xáng Lấp Vò	23	I	
3	Sông Sa Đéc	27	I	
4	Kênh Dương Hòa - Long Thắng	18	II	
5	Kênh Nha Mân - Tư Tải	17	II	
6	Kênh Xẻo Mát Cái Vồn	16	II	

III. XÂY DỰNG MỚI VÀ NÂNG CẤP HỆ THỐNG ĐÊ BAO, BỜ BAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (ĐÊ BAO, BỜ BAO, CỐNG, TRẠM BƠM, CẦU GIAO THÔNG, ...)

TT	Tên dự án	Nâng cấp	Xây dựng mới	Mục tiêu
1	Đê bao, bờ bao kiểm soát lũ tháng 8	188	4	Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ ổn định và chuyển đổi sản xuất nông nghiệp bền vững
2	Đê bao, bờ bao kiểm soát lũ chủ động	266	9	
3	Đê bao, bờ bao kiểm soát lũ triệt để	653	66	

IV. KHẮC PHỤC SẠT LỎ HỆ THỐNG SÔNG, KÊNH TRỤC CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

TT	Tên dự án	Mục tiêu
1	Gia cố sạt lở kênh Đốc Phủ Hiền thuộc xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất
2	Gia cố khắc phục các vị trí sạt lở rạch Nha Môn Tư Tái và rạch Xẻo Mát - Cái Vồn thuộc huyện Châu Thành	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất
3	Phòng chống sạt lở kết hợp chỉnh trang và phát triển đô thị ven kênh Nguyễn Văn Tiếp A, kênh Tư Mới và kênh Phước Xuyên	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất kết hợp chỉnh trang đô thị phục vụ phát triển kinh tế xã hội
4	Kè chống sạt lở sông Tiền và Kè chợ cũ Lấp Vò, huyện Lấp Vò	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất
5	Kè chống sạt lở sông Tiền và Kè chống sạt lở bờ rạch Cái Dầu huyện Thanh Bình	
6	Kè chống sạt lở bờ trái sông Tiền đoạn qua xã Long Thuận - huyện Hồng Ngự	
7	Kè chống sạt lở bờ trái sông Tiền khu vực xã Tân Quới và xã Tân Bình - huyện Thanh Bình	
8	Kè khu vực xã An Phong - huyện Thanh Bình	
9	Kè chống sạt lở bờ trái sông Tiền xã An Hiệp - huyện Châu Thành	
10	Nạo vét chỉnh trị các bãi bồi, cồn nổi sông Tiền	

TT	Tên dự án	Mục tiêu
11	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực An Lạc, thành phố Hồng Ngự và khu vực Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Phòng chống sạt lở đảm bảo ổn định dân cư và sản xuất
12	Xử lý sạt lở sông Tiền tại xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh (giai đoạn 2)	
13	Kè Hổ Cừ (từ kè giai đoạn nối dài đến cầu Cao Lãnh)	
14	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền đoạn từ cầu Cao Lãnh đến vàm Long Hới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	
15	Nâng cấp tuyến đê bao, chống sạt lở và xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền tại thành phố Cao Lãnh (giai đoạn 2)	
16	Xử lý sạt lở khu vực đầu cù lao Châu Ma (Cù Lao Tây), xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	

V. HỒ THỦY LỢI ĐA MỤC TIÊU

TT	Tên dự án	Quy mô	Ghi chú	Mục tiêu
1	Hồ thủy lợi đa mục tiêu trên địa bàn huyện Hồng Ngự	92 ha	Xây dựng mới	Đảm bảo an ninh nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế xã hội
2	Hồ thủy lợi đa mục tiêu trên địa bàn huyện Tam Nông	1.300 ha	Xây dựng mới	
3	Hồ thủy lợi đa mục tiêu trên địa bàn huyện Cao Lãnh	160 ha	Xây dựng mới	

VI. PHÁT TRIỂN THỦY LỢI NHỎ, THỦY LỢI NỘI ĐỒNG VÀ TƯỚI TIỀN TIẾN, TIẾT KIỆM NƯỚC

TT	Tên dự án	Mục tiêu
1	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến thành phố Hồng Ngự	Hiện đại hoá hệ thống thủy lợi nội đồng thích ứng biến đổi khí hậu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp
2	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến huyện Hồng Ngự	
3	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến huyện Tam Nông	

TT	Tên dự án	Mục tiêu
4	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến huyện Thanh Bình	Hiện đại hoá hệ thống thủy lợi nội đồng thích ứng biến đổi khí hậu và ứng dụng công nghệ vào sản xuất nông nghiệp
5	Phát triển hạ tầng thủy lợi nội đồng tiên tiến Cù Lao Tây, huyện Thanh Bình	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình thủy lợi của tỉnh phải phù hợp với quy hoạch thủy lợi tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.



Phụ lục XIII

**DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH
TỈNH ĐÔNG THÁP THỜI KÌ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH ĐÔ THỊ

TT	Tên công trình cấp nước	Công suất (m ³ /ngày đêm)		Địa điểm
		Hiện trạng	Dự kiến	
1	Nhà máy nước Đông Bình	28.000	53.000	Thành phố Cao Lãnh
2	Nhà máy nước Sa Đéc	14.000	38.000	Thành phố Sa Đéc
3	Nhà máy nước thành phố Hồng Ngự	10.000	13.800	Thành phố Hồng Ngự
4	Nhà máy nước thị trấn Mỹ An	2.500	19.000	Huyện Tháp Mười
5	Nhà máy nước Trường Xuân		7.500	Huyện Tháp Mười
6	Nhà máy nước thị trấn Mỹ Thọ	7.500	29.500	Huyện Cao Lãnh
7	Nhà máy nước Mỹ Hiệp	2.500	7.000	Huyện Cao Lãnh
8	Nhà máy nước thị trấn Thanh Bình	4.000	21.200	Huyện Thanh Bình
9	Nhà máy nước thị trấn Tràm Chim	2.500	14.900	Huyện Tam Nông
10	Nhà máy nước An Long	2.500	7.500	Huyện Tam Nông
11	Nhà máy nước Bình Phú	5.000	12.500	Huyện Tân Hồng
12	Nhà máy nước thị trấn Thường Thới Tiền	4.000	18.000	Huyện Hồng Ngự
13	Nhà máy nước thị trấn Cái Tàu Hạ	9.000	22.000	Huyện Châu Thành
14	Nhà máy nước thị trấn Lấp Vò	7.500	28.000	Huyện Lấp Vò
15	Nhà máy nước thị trấn Lai Vung	2.500	25.000	Huyện Lai Vung

B. HẠ TẦNG NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Ghi chú
I	Dự án đảm bảo nước sạch vùng nông thôn trong điều kiện biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp		
1	Trạm cấp nước Chòi Mòi, huyện Tân Hồng	Đảm bảo mục tiêu cấp nước sạch nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia đã đề ra ứng với từng giai đoạn	Nâng cấp, mở rộng
2	Trạm cấp nước Tân Hưng - Tân Huê, huyện Thanh Bình		Nâng cấp, mở rộng
3	Trạm cấp nước Tân Hòa, huyện Thanh Bình		Nâng cấp, mở rộng
4	Trạm cấp nước Bình Thạnh, huyện Cao Lãnh		Xây dựng mới
II	Dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn		
1	Trạm cấp nước Tân Kiều, huyện Tháp Mười	Đảm bảo mục tiêu cấp nước sạch nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia đã đề ra ứng với từng giai đoạn	Xây dựng mới
2	Trạm cấp nước Hưng Thạnh - Thạnh Lợi, huyện Tháp Mười		Xây dựng mới
3	Trạm cấp nước Gáo Giồng - Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh		Xây dựng mới
4	Công trình tuyến ống cấp nước truyền tải Phú Hiệp, huyện Tam Nông		Xây dựng mới
5	Trạm cấp nước Cà Vàng huyện Tân Hồng		Nâng cấp, mở rộng
III	Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước tại các huyện, thành phố	Đảm bảo mục tiêu cấp nước sạch nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia đã đề ra ứng với từng giai đoạn	Xây dựng mới

Ghi chú:

- Việc đầu tư các công trình cấp nước phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của

địa phương. Các nhà máy, trạm cấp nước nông thôn thực hiện theo quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Quy mô, công suất của các nhà máy nước, trạm cấp nước có thể điều chỉnh để bảo đảm nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



Phụ lục XIV
DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH THOÁT NƯỚC
KHU VỰC ĐÔ THỊ TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KÌ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình xử lý nước thải	Công suất dự kiến (m ³ /ngày đêm)	Địa điểm
1	Trạm xử lý nước thải thành phố Cao Lãnh	55.600	Thành phố Cao Lãnh
2	Trạm xử lý nước thải thành phố Sa Đéc	31.700	Thành phố Sa Đéc
3	Trạm xử lý nước thải thành phố Hồng Ngự	30.200	Thành phố Hồng Ngự
4	Trạm xử lý nước thải thị trấn Sa Rài	10.000	Huyện Tân Hồng
5	Trạm xử lý nước thải cửa khẩu Dinh Bà	4.500	Huyện Tân Hồng
6	Trạm xử lý nước thải thị trấn Thường Thới Tiền	2.500	Huyện Hồng Ngự
7	Trạm xử lý nước thải Thường Phước	1.500	Huyện Hồng Ngự
8	Trạm xử lý nước thải thị trấn Tràm Chim	15.000	Huyện Tam Nông
9	Trạm xử lý nước thải đô thị An Long	5.000	Huyện Tam Nông
10	Trạm xử lý nước thải thị trấn Thanh Bình	4.500	Huyện Thanh Bình
11	Trạm xử lý nước thải thị trấn Mỹ An	12.200	Huyện Tháp Mười
12	Trạm xử lý nước thải đô thị Trường Xuân	6.500	Huyện Tháp Mười
13	Trạm xử lý nước thải đô thị Mỹ Hiệp	1.500	Huyện Cao Lãnh
14	Trạm xử lý nước thải thị trấn Mỹ Thọ	5.400	Huyện Cao Lãnh
15	Trạm xử lý nước thải khu đô thị Lấp Vò	15.000	Huyện Lấp Vò
16	Trạm xử lý nước thải thị trấn Lai Vung	4.500	Huyện Lai Vung
17	Trạm xử lý nước thải thị trấn Cái Tàu Hạ	15.000	Huyện Châu Thành

Ghi chú:

- Các công trình thoát nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp phải phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật; phù hợp định hướng quy hoạch, tính khả thi, thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội của từng dự án.



Phụ lục XV
DANH MỤC DỰ KIẾN KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG MỚI,
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Nội dung quy hoạch	Dự kiến quy mô
1	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, thành phố Hồng Ngự	Đầu tư mới	400 tấn/ngày
2	Khu xử lý Đập Đá, huyện Cao Lãnh	Nâng cấp, cải tạo	500 tấn/ngày
3	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoặc khu chôn lấp hợp vệ sinh cho các xã cù lao tại huyện Thanh Bình và huyện Hồng Ngự.	Đầu tư mới	Lò đốt 350 kg/giờ

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu, tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XVI
DANH MỤC QUY HOẠCH CÁC CÔNG TRÌNH NGHĨA TRANG,
CƠ SỞ HỎA TÁNG TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm
I	Cơ sở dự kiến nâng cấp, cải tạo	
1	Nghĩa trang Quảng Khánh	Thành phố Cao Lãnh
2	Nghĩa trang Tân Phú Đông	Thành phố Sa Đéc
3	Nghĩa trang Bình Thạnh	Thành phố Hồng Ngự
4	Nghĩa trang Tân Công Chí	Huyện Tân Hồng
II	Cơ sở xây dựng mới	
1	Nghĩa trang Thường Thới Tiền	Huyện Hồng Ngự
2	Nghĩa trang Phú Thọ	Huyện Tam Nông
3	Nghĩa trang Mỹ An	Huyện Tháp Mười
4	Nghĩa trang Mỹ Thọ	Huyện Cao Lãnh
5	Nghĩa trang Tân Phú	Huyện Thanh Bình
6	Nghĩa trang Vĩnh Thạnh	Huyện Lấp Vò
7	Nghĩa trang Tân Phước	Huyện Lai Vung
8	Nghĩa trang An Nhơn	Huyện Châu Thành

Ghi chú:

- Các công trình nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch vùng huyện, kế hoạch có liên quan.
- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.



Phụ lục XVII

**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm dự kiến
I	Cơ sở giáo dục đào tạo dự kiến nâng cấp, cải tạo	
1	Trường Trung học phổ thông Kiến Văn	Huyện Cao Lãnh
2	Trường Trung học phổ thông thành phố Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
3	Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Quang Diêu	Thành phố Cao Lãnh
4	Các trường Trung học phổ thông trong tỉnh	Các huyện, thành phố
II	Cơ sở giáo dục xây dựng mới	
1	Làng đại học tỉnh Đồng Tháp	Các huyện, thành phố
2	Trường phổ thông tư thực nhiều cấp học đào tạo theo chuẩn quốc tế	Các huyện, thành phố
3	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập	Thành phố Sa Đéc
4	Trường Trung học phổ thông thành phố Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XVIII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ Y TẾ XÂY DỰNG MỚI,
NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Cơ sở dự kiến nâng cấp, cải tạo	
1	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
2	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
3	Bệnh viện đa khoa Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
4	Bệnh viện đa khoa Tháp Mười	Huyện Tháp Mười
5	Bệnh viện y học cổ truyền	Thành phố Cao Lãnh
6	Bệnh viện phục hồi chức năng	Thành phố Cao Lãnh
7	Bệnh viện Phổi	Huyện Cao Lãnh
8	Bệnh viện Quân dân y	Thành phố Cao Lãnh
9	Bệnh viện Tâm thần	Huyện Cao Lãnh
10	Bệnh viện Da liễu	Thành phố Cao Lãnh
11	Phòng khám đa khoa Quân dân Y Thường Phước	Huyện Hồng Ngự
12	Phòng khám đa khoa Quân dân Y Dinh Bà	Huyện Tân Hồng
13	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Thành phố Cao Lãnh
14	Trung tâm Kiểm nghiệm	Thành phố Cao Lãnh
15	Trung tâm Pháp Y	Thành phố Cao Lãnh
16	Trung tâm giám định Y khoa	Thành phố Cao Lãnh
17	Các trung tâm y tế huyện	Các huyện, thành phố
II	Cơ sở xây dựng mới	
1	Bệnh viện sản nhi	Thành phố Cao Lãnh
2	Bệnh viện Bệnh nhiệt đới	Thành phố Cao Lãnh
3	Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
4	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	Thành phố Cao Lãnh, huyện Cao Lãnh

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư; bảo đảm phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia và tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ. Đối với các trung tâm y tế vừa thực hiện chức năng khám chữa bệnh vừa thực hiện nhiệm vụ dự phòng: khi đảm bảo các tiêu chí xếp hạng II trở lên có thể xem xét tách riêng thành bệnh viện thực hiện chức năng khám chữa bệnh và trung tâm y tế dự phòng.



Phụ lục XIX
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Địa điểm dự kiến
I	Công trình dự kiến nâng cấp, cải tạo	
1	Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
2	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
3	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
4	Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp (giai đoạn 2)	Thành phố Cao Lãnh
5	Trường Trung cấp Tháp Mười	Huyện Tháp Mười
6	Trường Trung cấp Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
II	Công trình xây dựng mới	
	Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực	Các huyện, thành phố

Ghi chú:

- Việc đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch, kế hoạch liên quan và nhu cầu thực tế phát triển của địa phương.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục nêu trên căn cứ vào quy hoạch chuyên ngành của địa phương để thực hiện.



Phụ lục XX
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ VĂN HÓA, CƠ SỞ THỂ DỤC,
THỂ THAO XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CƠ SỞ VĂN HÓA

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình cải tạo và nâng cấp	
1	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	Thành phố Cao Lãnh
2	Khu Di tích Nguyễn Sinh Sắc	Thành phố Cao Lãnh
3	Khu Di tích Xẻo Quýt	Huyện Cao Lãnh
4	Khu Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp	Huyện Tháp Mười
5	Thư viện tỉnh	Thành phố Cao Lãnh
6	Bảo tàng tỉnh	Thành phố Cao Lãnh
7	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	Huyện Cao Lãnh
II	Công trình xây dựng mới	
	Bảo tàng Đồng Tháp Mười	Huyện Tháp Mười

II. CƠ SỞ THỂ DỤC, THỂ THAO

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình nâng cấp và cải tạo	
1	Trường phổ thông năng khiếu, huấn luyện và thi đấu thể thao Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
2	Sân vận động tỉnh Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
II	Công trình xây dựng mới	
1	Khu công viên nước, hồ bơi, nhà thi đấu đa năng thuộc Khu liên hợp thể dục thể thao Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
2	Trung tâm bóng đá trẻ	Thành phố Cao Lãnh
3	Học viện đá cầu thế giới	Thành phố Cao Lãnh
4	Trung tâm thể thao dưới nước	Thành phố Cao Lãnh
5	Trung tâm thể dục aerobic gắn với thể thao học đường	Thành phố Cao Lãnh

Ghi chú: Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XXI
DANH MỤC DỰ KIẾN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI
XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. CHỢ HẠNG I, CHỢ ĐẦU MỐI

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình cải tạo, nâng cấp	
	Chợ hạng I	
1	Chợ Cao Lãnh	Thành phố Cao Lãnh
2	Chợ Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
3	Chợ Hồng Ngự	Thành phố Hồng Ngự
4	Chợ Mỹ Thọ	Huyện Cao Lãnh
5	Chợ Mỹ An	Huyện Tháp Mười
6	Chợ Cái Tàu Hạ	Huyện Châu Thành
	Chợ đầu mối	
1	Chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh
2	Chợ Mỹ Trà	Thành phố Cao Lãnh
II	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm đầu mối nông sản và thủy sản nước ngọt vùng Đồng Tháp Mười	
2	Chợ đầu mối hoa kiểng Sa Đéc	Thành phố Sa Đéc
3	Trung tâm thương mại	Thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự, huyện Tân Hồng, huyện Hồng Ngự
4	Siêu thị tổng hợp	Các huyện, thành phố

II. KHO DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐÓT

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình cải tạo, nâng cấp	
	Kho quy mô trên 5.000 m³	
	Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toàn	Thành phố Cao Lãnh

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
	Kho quy mô dưới 5.000 m ³	
	Kho xăng dầu Trường Xuân	Huyện Tháp Mười
II	Công trình xây dựng mới	
1	Tổng kho dự trữ xăng dầu	Tại địa bàn phía sông Hậu
2	Tổng kho dự trữ xăng dầu	Tại địa bàn phía sông Tiền

III. TRUNG TÂM LOGISTICS

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Công trình hiện có	
II	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm logistics Cái Tàu Hạ - Nha Môn	Huyện Châu Thành
2	Trung tâm logistics chợ đầu mối trái cây Mỹ Hiệp	Huyện Cao Lãnh
3	Kho chứa hàng hóa - logistics; kho ngoại quan, công nghiệp dự trữ cửa khẩu quốc tế Dinh Bà	Huyện Tân Hồng
4	Kho - logistics Cửa khẩu quốc tế Thường Phước	Huyện Hồng Ngự
5	Kho ngoại quan cửa khẩu Mộc Rá	Thành phố Hồng Ngự
6	Kho thương mại	Thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, thành phố Hồng Ngự

Ghi chú:

- Quy hoạch hạ tầng kho xăng dầu, khí đốt của tỉnh phải phù hợp với Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch, kế hoạch liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu thực tế phát triển của tỉnh.

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các công trình, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư sẽ được xác định, tính toán chính xác trong quá trình lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.



Phụ lục XXII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI CÔNG LẬP
XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, CẢI TẠO TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở bảo trợ xã hội	Địa điểm dự kiến
I	Công trình cải tạo, nâng cấp	
	Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh
II	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm điều dưỡng người có công (giai đoạn 2)	Thành phố Cao Lãnh
2	Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh
3	Các trung tâm bảo trợ xã hội	Các huyện, thành phố

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XXIII

**DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC CƠ SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NÂNG CẤP, CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG MỚI, TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến
I	Cơ sở dự kiến nâng cấp, cải tạo	
	Trung tâm kiểm định và kiểm nghiệm Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh
II	Cơ sở xây dựng mới	
1	Không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tỉnh	Thành phố Cao Lãnh
2	Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (phục vụ chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao; bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phát triển dịch vụ công nghệ cao phục vụ nông nghiệp)	Các huyện, thành phố
3	Trung tâm Bảo tồn và Phát triển các nguồn gen động vật, thực vật tỉnh Đồng Tháp	Các huyện, thành phố

Ghi chú: Tên, quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



Phụ lục XXIV
CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (5)-(4)	(7)
I	Tổng diện tích tự nhiên		338.228	338.228	0	338.228
1	Đất nông nghiệp	NNP	277.049	268.438	-8.611	268.438
1.1	Đất trồng lúa	LUA	195.279	189.612	-5.667	189.612
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	195.279	189.612	-5.667	189.612
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	48.174			45.238
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	47	47	0	47
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	7.313	7.313	0	7.313
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	3.732	2.796	-936	2.796
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	61.179	69.790	8.611	69.790
2.1	Đất quốc phòng	CQP	500	545	45	545
2.2	Đất an ninh	CAN	884	1.115	231	945*
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	399	1.266	867	1.266
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	380			1.138
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	229			1.296

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	635			1.017
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1			1
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	22.216	24.789	2.573	24.789
-	Đất giao thông	DGT	8.819	11.446	2.627	11.446
-	Đất thủy lợi	DTL	11.463			10.392
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	94	202	108	202
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	91	139	48	139
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	634	1.004	370	1.004
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	90	183	93	183
-	Đất công trình năng lượng	DNL	51	177	126	177
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	8	10	2	10
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		6	6	6
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	197			211
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	194			256
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	384	395	11	395
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	71	187	116	187

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				38
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				134
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	13.424			14.434
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	2.161			3.652
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	239			289
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	20			28
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0			0
3	Đất chưa sử dụng	CSD				
II	Khu chức năng					
1	Đất khu công nghệ cao	KCN				
2	Đất khu kinh tế	KKT		31.936		31.936
3	Đất đô thị	KDT		26.008		26.008
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN				234.959
5	Khu lâm nghiệp	KLN				10.156
6	Khu du lịch	KDL				2.402
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT				7.313
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC				2.404
9	Khu đô thị	DTC				26.008

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM				1.296
11	Khu dân cư nông thôn	DNT				15.575

Ghi chú:

- Việc triển khai khoanh vùng và sử dụng đất các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

(*) Cập nhật theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



Phụ lục XXV
DANH MỤC DỰ KIẾN KHU VỰC THẨM DÒ, KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Địa điểm quy hoạch	Số lượng khu		
		Tổng số	Hiện trạng	Bổ sung
I	Khoáng sản cát lòng sông	18	18	0
1	Vùng sông Tiền (từ khối tài nguyên 1 - 333 đến 15 - 333)	15	15	0
2	Vùng sông Hậu (từ khối tài nguyên 16 - 333 đến 18 - 333)	3	3	0
II	Khoáng sản sét	31	31	0
III	Khoáng sản than bùn	5	5	0
IV	Khoáng sản đất san lấp	39	39	Trong giai đoạn thực hiện Quy hoạch tỉnh, tùy vào điều kiện và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Để chủ động cung ứng vật liệu đất san lấp, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát các quy định có liên quan kịp thời bổ sung thêm và đưa vào khai thác phục vụ công trình. Đảm bảo phù hợp với pháp luật về đất đai
1	Huyện Tam Nông	3	3	
2	Huyện Hồng Ngự	4	4	
3	Huyện Thanh Bình	5	5	
4	Huyện Lai Vung	4	4	
5	Huyện Tân Hồng	6	6	
6	Thành phố Hồng Ngự	2	2	
7	Thành phố Sa Đéc	1	1	
8	Huyện Lấp Vò	10	10	
9	Huyện Tháp Mười	4	4	
10	Huyện Cao Lãnh	0	0	
11	Thành phố Cao Lãnh	0	0	
12	Huyện Châu Thành	0	0	
V	Đất san lấp tận thu từ dự án hồ thủy lợi đa mục tiêu	4	4	
1	Huyện Tam Nông	1	1	0
2	Huyện Hồng Ngự	2	2	0
3	Huyện Cao Lãnh	1	1	0

TT	Địa điểm quy hoạch	Số lượng khu		
		Tổng số	Hiện trạng	Bổ sung
VI	Khoáng sản thu hồi từ các dự án nạo vét bãi bồi, cồn nổi trên địa bàn tỉnh	4	4	Ngoài các bãi bồi, cồn nổi nêu trên, trên địa bàn tỉnh còn có một số bãi bồi, cồn nổi khác có thể xem xét đưa vào nạo vét để kịp thời bổ sung vật liệu san lấp các công trình trọng điểm của tỉnh, của trung ương và các công trình dân sinh
1	Nạo vét cồn Đông Giang	1	1	
2	Nạo vét cồn Linh	1	1	
3	Nạo vét cồn Long Tả	1	1	
4	Nạo vét cồn Long Khánh	1	1	
VII	Đối với khoáng sản thu hồi từ dự án nạo vét thông luồng đường thủy			Các khu vực nạo vét do Sở Giao thông vận tải đề xuất sau khi thống nhất với địa phương và cơ quan quản lý đường thủy

Ghi chú:

- Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác cát và khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030 phải bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản bảo đảm không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Các khu vực thăm dò, khai thác cát xây dựng, san lấp bảo đảm tuân thủ quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, đối với các điểm mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan, rà soát và tự điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) để đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các điểm mỏ khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, sẽ căn cứ các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai, thực hiện.



Phụ lục XXVI
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số **39** /QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
I	GIAO THÔNG VẬN TẢI	
	Giao thông đường bộ	
1	Đầu tư xây dựng mới các tuyến cao tốc ¹ : - Cao tốc Bắc - Nam phía Tây: đoạn Tân Thạnh (Long An) - Mỹ An (Đồng Tháp), Mỹ An - nút giao An Bình, riêng đoạn nút giao An Bình - Lộ Tẻ (Cần Thơ) được nâng cấp từ tuyến quốc lộ hiện trạng. - Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn Mỹ Thuận - Cần Thơ). - Cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh.	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư xây dựng mới quốc lộ N1 qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp và cầu Tân Châu - Hồng Ngự. ¹	Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng
3	Dự án phát triển mạng lưới giao thông vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, tỉnh Đồng Tháp (cầu Sa Đéc bắc qua sông Tiền kết nối cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh).	Các huyện, thành phố
4	Đầu tư xây dựng, nâng cấp quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự - Dinh Bà; nâng cấp hệ thống cầu có tải trọng thấp trên quốc lộ 80. ¹	Các huyện, thành phố
5	Đầu tư nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện hữu liên kết với các tỉnh trong vùng thành các tuyến quốc lộ. ¹	Các huyện, thành phố
6	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến đường tỉnh.	Các huyện, thành phố
7	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường thuộc các khu chức năng.	Các huyện, thành phố
8	Đầu tư xây dựng mới dự án hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Lấp Vò, huyện Lai Vung, thành phố Sa Đéc
9	Đầu tư nâng cấp, xây dựng hệ thống bến xe trên địa bàn tỉnh.	Thành phố Sa Đéc, huyện Hồng Ngự, huyện Tháp Mười
10	Phát triển hệ thống kho vận, kho nông sản kết hợp với cảng, logistics.	Các huyện, thành phố
11	Các công trình hạ tầng giao thông khác khi có nhu cầu.	Các huyện, thành phố

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
	Giao thông đường thủy	
1	Nạo vét luồng sông Tiền và sông Hậu và các tuyến sông, kênh trung ương quản lý qua địa bàn tỉnh. Đầu tư nâng cấp kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng, kênh Mương Khai - Đốc Phủ Hiền.	Các huyện, thành phố
2	Nạo vét thông luồng các tuyến đường thủy nội địa do tỉnh quản lý.	Các huyện, thành phố
3	Đầu tư xây dựng cảng biển, khu bến trên sông Tiền (Cao Lãnh, Sa Đéc, Thường Phước), sông Hậu (Lấp Vò).	Thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc, huyện Hồng Ngự, huyện Lấp Vò
4	Đầu tư xây dựng các cảng, bến thủy nội địa và cảng, bến hành khách khác theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	Các huyện, thành phố
5	Xây dựng mới các bến phà, bến khách ngang sông kết nối giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.	Các huyện, thành phố
II	NÔNG - LÂM - THỦY SẢN	
1	Phát triển trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị, tập trung khai thác lợi thế vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt. ²	Thành phố Cao Lãnh và các địa phương có tiềm năng
2	Dự án Trại nhân giống vật nuôi chất lượng cao đồng bằng sông Cửu Long.	Các huyện, thành phố
3	Dự án Liên kết sản xuất cá tra giống chất lượng cao tỉnh Đồng Tháp.	Các huyện, thành phố
4	Phát triển vùng cơ giới hoá nông nghiệp kết hợp với nông nghiệp thông minh và ứng dụng tiến bộ khoa học trong xây dựng chuỗi giá trị hàng hoá nông nghiệp.	Các huyện, thành phố
5	Phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi tập trung nông, thủy sản chủ lực.	Các huyện, thành phố
6	Phát triển các tiểu khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Các huyện, thành phố
7	Phát triển chuỗi giá trị hàng hóa nông nghiệp gắn với các ứng dụng thương mại điện tử và truy xuất nguồn gốc hàng hóa.	Các huyện, thành phố
8	Trung tâm Logistics và mở rộng chợ đầu mối trái cây tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Cao Lãnh
9	Nhà máy chế biến rau quả, chế biến nông sản nước ngọt của vùng.	Huyện Cao Lãnh
10	Đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.	Các huyện, thành phố

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
III	CÔNG NGHIỆP	
1	Đầu tư phát triển hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Đồng Tháp, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp kết hợp với di dời cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và kiểm soát phát thải.	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn.	Các huyện, thành phố
IV	THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, DU LỊCH	
1	Phát triển trung tâm thương mại tại các đô thị.	Các huyện, thành phố
2	Xây dựng, phát triển hệ thống kho hàng, trung tâm logistics; các chợ đầu mối, chợ chuyên doanh.	Các huyện, thành phố
3	Phát triển cơ sở hạ tầng các điểm, khu du lịch tạo điều kiện mở mới các tuyến du lịch trong tỉnh và liên kết ngoài tỉnh.	Các huyện, thành phố
4	Các dự án kho bãi hàng hóa (kho chứa hàng hóa - logistics, kho ngoại quan,...), hạ tầng thương mại (trung tâm thương mại, siêu thị, chợ) tại Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp. ³	Thành phố Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, huyện Tân Hồng
5	Kêu gọi đầu tư các dự án du lịch, nghỉ dưỡng ở những nơi có điều kiện thuận lợi.	Các huyện, thành phố
V	VĂN HÓA - THỂ DỤC THỂ THAO	
1	Xây dựng nhà bảo tàng Đồng Tháp Mười, Đồng Tháp. ²	Huyện Tháp Mười
2	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc.	Thành phố Cao Lãnh
3	Tôn tạo và phát huy Khu di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp trở thành di sản văn hóa thế giới.	Huyện Tháp Mười
4	Tôn tạo và phát huy Danh thắng Vườn Quốc gia Tràm Chim (khu vực Ramsar).	Huyện Tam Nông
5	Xây dựng Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp.	Thành phố Cao Lãnh
6	Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng các thiết chế văn hoá các cấp.	Các huyện, thành phố
7	Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.	Các huyện, thành phố
8	Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng các thiết chế thể thao các cấp.	Các huyện, thành phố
VI	Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN	
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp bệnh viện đa khoa vùng tại Đồng Tháp. ²	Thành phố Cao Lãnh
2	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị các bệnh viện tuyến tỉnh đạt chuẩn hạng II.	Các huyện, thành phố
3	Bệnh viện Sản nhi Đồng Tháp.	Thành phố Cao Lãnh
4	Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao.	Các huyện, thành phố

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
VII	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	
1	Nâng cấp Trường Cao đẳng Cộng đồng trở thành trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực.	Thành phố Cao Lãnh
2	Nâng cấp mở rộng các công trình, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị thuộc các trường học trên địa bàn tỉnh.	Các huyện, thành phố
3	Xã hội hóa cơ sở giáo dục các cấp, đại học ở các đô thị có điều kiện thuận lợi.	Các huyện, thành phố
4	Trường phổ thông tư thực nhiều cấp học đào tạo theo chuẩn quốc tế.	Các huyện, thành phố
VIII	LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
1	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Cao Lãnh
2	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Tháp.	Huyện Cao Lãnh
3	Trường Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp (giai đoạn 2).	Thành phố Cao Lãnh
4	Trường trung cấp Tháp Mười.	Huyện Tháp Mười
5	Trường trung cấp Hồng Ngự.	Thành phố Hồng Ngự
6	Nâng cấp, mở rộng trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đồng Tháp.	Thành phố Cao Lãnh
7	Trung tâm điều dưỡng người có công (giai đoạn 2).	Thành phố Cao Lãnh
8	Các trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp.	Các huyện, thành phố
IX	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	
1	Đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ.	Các huyện, thành phố
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm kiểm định - kiểm nghiệm tỉnh Đồng Tháp.	Thành phố Cao Lãnh
X	QUỐC PHÒNG, AN NINH	
1	Đầu tư hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.	Các huyện, thành phố
2	Các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.	Các huyện, thành phố
XI	HẠ TẦNG THỦY LỢI, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
	Hạ tầng thủy lợi	
1	Cải tạo và nâng cấp kênh Tân Thành - Lò Gạch	
2	Cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển vùng cây ăn trái Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp	
3	Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước tập trung.	Các huyện: Tháp Mười, Cao Lãnh, Tân Hồng, Tam Nông
4	Đầu tư nâng cấp kênh Mương Khai - Đốc Phủ Hiền.	Thành phố Sa Đéc, các huyện: Châu Thành, Lai Vung

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
5	Cải tạo và nâng cấp hệ thống công trình chuyển nước từ sông Tiền qua sông Hậu gồm: Kênh Nha Môn Tư Tài, Kênh Mương Khai Đốc Phủ Hiền, Kênh Xã Trầu - Sóc Tro, Kênh xáng Sa Đéc - Lấp Vò.	Các huyện, thành phố
6	Hoàn thiện hệ thống đê bao (cổng, trạm bơm,...) kiểm soát lũ tháng 8, kiểm soát lũ chủ động, kiểm soát lũ triệt để.	Các huyện, thành phố
7	Xây dựng và nâng cấp các trạm bơm điện theo hướng ô bao lớn và điện 3 pha.	Các huyện, thành phố
8	Sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới đập dâng thủy lợi.	Các huyện, thành phố
9	Kiên cố, cứng hóa các tuyến kênh sau trạm bơm.	Các huyện, thành phố
10	Mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính.	Các huyện, thành phố
11	Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh trục có tính chất liên vùng.	Các huyện, thành phố
12	Xây dựng các hồ chứa nước ngọt nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước.	Các huyện, thành phố
	Phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	
1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng chống chịu với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và chuyển đổi tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long - tỉnh Đồng Tháp.	Các huyện, thành phố phía Bắc sông Tiền
2	Xây dựng hệ thống kiểm soát lũ và điều tiết nguồn nước tại vùng Đồng Tháp Mười, cải tạo và nâng cấp hệ thống công trình thoát lũ ra sông Tiền.	Các huyện, thành phố
3	Kè hóa, xử lý chống sạt lở bờ sông Tiền, khu vực các đô thị, các khu dân cư tập trung và các khu vực xung yếu khác.	Các huyện, thành phố
4	Đầu tư các trạm quan trắc nước mặt; quan trắc không khí; quan trắc nước biển tự động, liên tục.	Các huyện, thành phố
XII	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG	
1	Phát triển, mở rộng nền tảng số, dữ liệu, ứng dụng, dịch vụ nâng cao hiệu quả phục vụ của chính quyền số; phát triển, nâng cấp hạ tầng chính quyền số; đảm bảo an toàn an ninh thông tin.	Các huyện, thành phố
2	Xây dựng đô thị thông minh, ưu tiên các lĩnh vực chuyển đổi số.	Thành phố: Cao Lãnh, Sa Đéc, Hồng Ngự
3	Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cho các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình và công tác quản lý lĩnh vực báo chí, truyền thông; đầu tư hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ truyền thông quảng bá; chuyển đổi số cho hệ thống thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại của tỉnh.	Các huyện, thành phố

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
XIII	ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN	
1	Đầu tư xây dựng các khu tái định cư tập trung.	Các huyện, thành phố
2	Phát triển các khu phức hợp đô thị, khu dân cư mới, khu dịch vụ du lịch.	Các huyện, thành phố
3	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị - nông thôn: đường giao thông; cầu; kè; hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, chất thải; nhà tang lễ, hỏa táng; nghĩa trang nhân dân, điện chiếu sáng, cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.	Các huyện, thành phố
XIV	MÔI TRƯỜNG	
1	Bảo vệ tài nguyên tự nhiên và Vườn quốc gia Tràm Chim.	Huyện Tam Nông
2	Dự án nhà máy xử lý đốt rác phát điện.	Thành phố Hồng Ngự, huyện Cao Lãnh,
3	Dự án đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục chất lượng nước mặt, không khí trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.	Các huyện, thành phố
XV	CÁC DỰ ÁN KHÁC PHỤC VỤ CHO MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH QUỐC PHÒNG CỦA TỈNH	

Ghi chú: Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực và thực tiễn phát triển tỉnh và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm đúng các quy định hiện hành.

¹ Theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

² Theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

³ Theo Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phát triển thương mại biên giới tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

(*) Các dự án, công trình khác căn cứ vào Quy hoạch chuyên ngành của địa phương. Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.



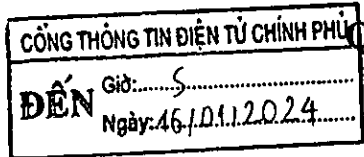
Phụ lục XXVII

**SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH ĐỒNG THÁP
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên sơ đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1/100.000

QUYẾT ĐỊNH



**Quy định giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2024
và nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp những năm trước
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp ngày 10 tháng 7 năm 1993;

*Căn cứ Nghị định số 74-CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5059/TTr-STC ngày
29 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2024
và nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp những năm trước trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp.

Điều 2. Giá lúa thu thuế

Giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2024 và nợ thuế sử dụng đất
nông nghiệp những năm trước trên địa bàn tỉnh Bến Tre là: 5.500 đồng/kg (Năm
ngàn năm trăm đồng trên một kilôgam).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 53/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định giá lúa thu thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2023 và nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp những năm trước trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng Cục Thuế - Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP (để kiểm tra);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bến Tre;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- Đài PT&TH, Báo Đồng Khởi;
- Ban Tiếp công dân (để niêm yết);
- Cổng thông tin điện tử Bến Tre;
- Phòng: TCĐT, TH, KT;
- Lưu: VT, XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Ngọc Tam